

CTCP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018





MỤC LỤC

01	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY Thông tin khái quát về công ty Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh Quá trình hình thành và phát triển Mô hình quản trị Giới thiệu ban lãnh đạo Định hướng phát triển Các rủi ro	8 10 10 10 12 16 23 24	04	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Đặc điểm tình hình Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 Phương hướng năm 2019	44 46 46 48
02	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018 Tổ chức và nhân sự Tình hình đầu tư Tình hình tài chính Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26 28 30 30 31 33	05	QUẢN TRỊ CÔNG TY Hội đồng quản trị Ban kiểm soát Giao dịch và thù lao của HĐQT và BKS	50 52 53 54
03	BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 Tình hình tài chính Kế hoạch năm 2019 và giải pháp thực hiện Kết luận	36 38 41 42 43	06	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Mục tiêu phát triển bền vững Các chỉ tiêu phát triển bền vững năm 2018	56 58 58
			07	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018	60

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	% Tăng trưởng
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần	Triệu VNĐ	1.019.702,96	1.252.559,61	22,84%
Lợi nhuận gộp	Triệu VNĐ	94.535,55	97.718,21	3,37%
Chi phí hoạt động	Triệu VNĐ	77.430,78	78.305,87	1,13%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	7.182,99	8.221,78	14,46%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu VNĐ	-70,53	101,89	244,46%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	7.112,45	8.323,67	17,03%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	5.555,62	6.406,60	15,32%
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	188.579,17	247.125,26	31,05%
Vốn điều lệ	Triệu VNĐ	34.500,00	38.984,57	13,00%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	49.337,44	55.422,85	12,33%
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	3,07%	2,94%	-4,31%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	13,08%	12,23%	-6,49%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	3.450.000	3.898.457	13,00%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	1.602	1.789	11,67%
Cổ tức	%	13%	13% (Dự kiến)	0% (Dự kiến)

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Năm 2018, nền kinh tế thế giới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, chủ yếu do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc gây ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển sản xuất, xuất khẩu của các nước trên thế giới. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ phát triển ổn định với GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Tỷ lệ lạm phát cũng được kiểm soát, CPI bình quân năm 2018 chỉ tăng 3,54% so với năm ngoái, hoàn thành mục tiêu do nhà nước đề ra.

Về ngành dầu khí, nhìn chung năm vừa qua giá dầu bình quân giảm so với năm 2017. Trên thị trường thế giới, giá dầu thô tính đến ngày 21/12 (kỳ điều hành giá cuối cùng) đã giảm hơn 19% so với đầu năm. Tính chung cả năm 2018, giá xăng trong nước giảm hơn 1.000 đồng mỗi lít, trong khi đó giá dầu tăng 800 - 1.600 đồng/lít, kg tùy loại. Ngoài ra, cước vận tải toàn cầu và tại Việt Nam dao động cũng khiến yếu tố đầu vào và giá thành của doanh nghiệp lĩnh vực vận tải bị ảnh hưởng.

Trước tình hình kinh tế nói chung và ngành dầu khí và vận tải nói riêng năm vừa qua, với sự nỗ lực và đoàn kết của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên, Công ty vẫn duy trì được kết quả kinh doanh tương đối tốt. Cụ thể, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.291.477 triệu đồng, tăng trưởng 27% so với năm 2017 và đạt 118% kế hoạch đầu năm. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế đạt 6.407 triệu đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2017 và đạt 102% so với kế hoạch đầu năm.

Năm 2018 cũng là một năm ghi nhận dấu mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của PTS Nghệ Tĩnh khi Công ty chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu (mã PTX) trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với giá tham chiếu là 10.000 đ/CP. Điều này giúp công tác quản trị doanh nghiệp của PTS Nghệ Tĩnh được nâng cao, đảm bảo công khai minh bạch trong báo cáo và trách nhiệm giải trình, từ đó mở ra nhiều cơ hội phát triển trong thời gian tới.

Để có được những kết quả khả quan này, trong thời gian qua Công ty luôn chú trọng vào định hướng phát triển của mình, đó là

chủ động về vốn, tích cực tìm kiếm thị trường, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, hạch toán chi phí tiết kiệm, tạo nhiều việc làm cho công nhân lao động, nâng cao thu nhập và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội, duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào yếu tố con người, xây dựng và đào tạo đội ngũ làm việc hiệu quả, đưa Công ty ngày một phát triển.

Năm 2019 dự đoán tình hình kinh tế thế giới và giá xăng dầu sẽ tiếp tục có diễn biến khó lường, đây vừa là thách thức vừa là cơ hội để PTS Nghệ Tĩnh khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp cùng ngành. Với quyết tâm cao và tinh thần trách nhiệm, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua được những thử thách sắp tới và gặt hái được nhiều thành công trong tương lai.

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành cùng PTS Nghệ Tĩnh của tất cả Quý vị trong thời gian qua. Tôi tin rằng với định hướng đúng đắn, sự cam kết, nỗ lực và sự hợp tác giữa các bên sẽ mang đến những bước tiến vững chắc cho chúng ta trong tương lai.

Cảm ơn và trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hoàng Công Thành

“Lợi nhuận sau thuế đạt 6.407 triệu đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2017 và đạt 102% so với kế hoạch đầu năm”





01

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát về công ty
Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh
Quá trình hình thành và phát triển
Mô hình quản trị
Giới thiệu ban lãnh đạo
Định hướng phát triển
Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH.

Tên tiếng Anh: PETROLIMEX NGHE TINH TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: PTS Nghệ Tĩnh

Người đại diện: Ông Hoàng Công Thành - Giám Đốc

Địa chỉ: Xóm 13, Xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0238 3851530

Fax: 0238 3851886

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: Giấy chứng nhận ĐKKD số 2900428497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2000, thay đổi lần thứ 22 ngày 9 tháng 1 năm 2019

Vốn điều lệ: 38.984.570.000 đồng

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải xăng dầu, kinh doanh xăng dầu, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ



Quá trình hình thành và phát triển

2000

Ngày 06 tháng 12 năm 2000, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh chính thức được thành lập từ việc cổ phần hoá Xí nghiệp Vận tải Cơ khí thuộc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh với số vốn điều lệ là 7.500.000.000 đồng.

2004

Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 11.500.000.000 đồng, đồng thời vốn Nhà nước cũng tăng lên chiếm 51% vốn điều lệ tại Công ty.

2017

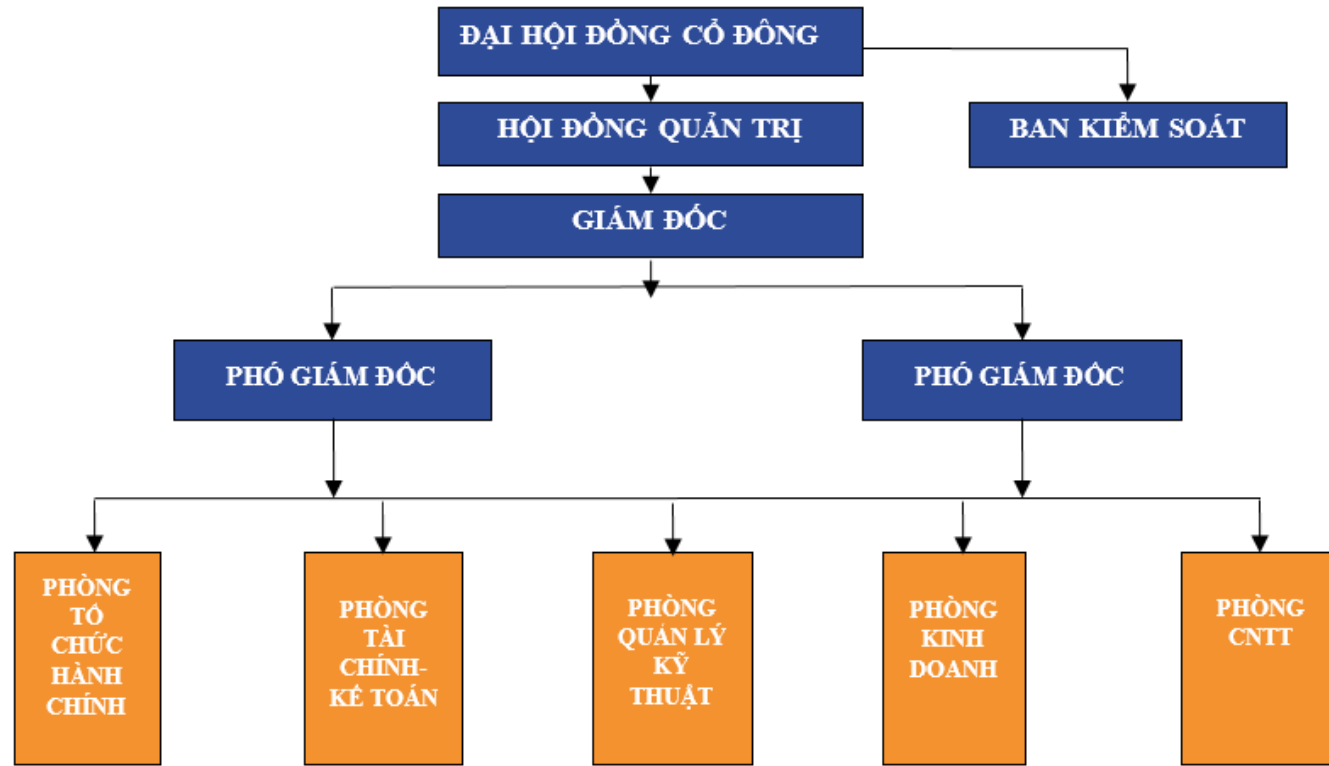
Tháng 8/2017, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam thành lập Tổng công ty dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) do Tập đoàn Xăng dầu nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo đó Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam chuyển giao phần vốn tại Công ty cho PTC quản lý.

2018

Ngày 26/01/2018, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2018/GCNCP-VSD ngày 26/01/2018 với mã chứng khoán là PTX. Trung tâm lưu ký chứng khoán nhận lưu ký cổ phiếu từ ngày 29/01/2018. Ngày 30/07/2018 là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UpCom với giá tham chiếu là 10.000 đ/CP.

THÔNG TIN CHUNG

Mô hình quản trị



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua định hướng phát triển Công ty. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi miễn thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và quyết định về bộ máy của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ không quá 5 năm. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài

chính của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. Ban kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

- Giám Đốc

Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho

Giám đốc là các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

- Phó Giám Đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

Các phòng, ban chức năng Công ty

Phòng tổ chức hành chính

- Chức năng:

Chức năng tham mưu giúp Giám đốc: Quản lý điều hành và thực hiện các chế độ chính sách (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động); hợp đồng lao động; về công tác tổ chức, cán bộ; công tác đào tạo; công tác quản lý lao động; công tác quản lý tiền lương và công tác thanh tra, pháp chế. Tham mưu giúp việc Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty; công tác thi đua tuyên truyền.

- Nhiệm vụ:

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các Quy chế, Điều lệ của Công ty, chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước hiện hành.

+ Nghiên cứu, xây dựng phương án, trình cấp trên sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; xem xét và trình duyệt thành lập mới, tách, nhập, giải thể, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Công ty quản lý. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án trên khi được lãnh đạo Công ty xem xét và phê duyệt.

+ Xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý đối với các đơn vị trực thuộc Công ty, cập nhật các thông tin mới nhất về chế độ chính sách của Nhà nước ban hành để dự thảo, sửa đổi, bổ sung các Quy chế bổ nhiệm cán bộ; quy chế dân chủ ở cơ sở; Điều lệ của Công ty trình các cấp có thẩm quyền.

+ Căn cứ vào tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ để có kế hoạch bố trí sắp xếp, điều động tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nhân viên chức theo quy định hiện hành. Tổ chức đào tạo, thi tuyển đối với cán bộ viên chức, sát hạch tay nghề đối với công nhân.

+ Thực hiện việc quản lý cán bộ công nhân viên trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nhận xét hàng năm, nâng thưởng lương theo phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị. Quản lý hồ sơ, bổ sung lý lịch định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

+ Phối hợp với Phòng Kinh doanh xây dựng đơn giá tiền lương; phối hợp với công đoàn, các phòng nghiệp vụ xây dựng và thực hiện Quy chế trả lương, thưởng.... Hướng dẫn, theo dõi, quản lý danh sách người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

+ Tổ chức công tác thanh tra, pháp chế theo yêu cầu của lãnh đạo; báo cáo định kỳ công tác này với các cơ quan có liên quan.

+ Tổ chức công tác thi đua tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên; báo cáo công tác thi đua khen thưởng theo định kỳ và đột xuất.



THÔNG TIN CHUNG

Mô hình quản trị

+ Phối hợp cùng các phòng, ban chức năng xây dựng thương hiệu, sản phẩm và quảng bá hình ảnh của Công ty thông qua các đợt hội chợ, triển lãm; đăng tải thông tin hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Phòng tài chính kế toán

- Chức năng:

Tham mưu giúp Giám đốc quản lý vốn, tài sản, công nợ, nghiệp vụ tài chính, kế toán, ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

- Nhiệm vụ:

+ Lập kế hoạch tài chính hàng năm trình Giám đốc phê duyệt.

+ Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Xây dựng kế hoạch thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lập và trình duyệt các hợp đồng vay vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

+ Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh toán các chứng từ chi phí của các đơn vị thi công, kiểm soát việc chi tiêu tài chính, sử dụng vật tư và các yếu tố đầu vào của sản xuất ở các đơn vị thi công theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Quản lý hạch toán vốn, tài sản, công nợ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập từ hoạt động khác theo đúng quy

định của Nhà nước.

+ Hạch toán đầy đủ, trung thực, kịp thời, có hệ thống mọi yếu tố chi phí phát sinh phục vụ công tác lập báo cáo tài chính và các báo cáo theo yêu cầu quản lý. Lập báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

+ Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan kiểm kê vật tư, hàng hoá theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

+ Thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định; theo dõi danh sách cổ đông, làm thủ tục chuyển nhượng và chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty; chi và quản lý tiền lương, tiền thưởng cho người lao động.

Phòng Quản lý kỹ thuật:

- Chức năng:

Tham mưu giúp việc Giám đốc về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa phương tiện vận tải, duyệt trang cấp vật tư phụ tùng cho phương tiện theo định kỳ. Lên phương án sửa chữa và cải tạo các CHXD cũng như lập dự án xây dựng cửa hàng mới đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ:

+ Giao nhiệm vụ và triển khai thực hiện công việc liên quan đến kỹ thuật, tìm hiểu lên kế hoạch về hiệu quả sử dụng các tài sản cố định khi thực hiện triển khai các dự án mới. Quản lý giá vật tư thiết bị đầu vào; chào giá và thoả thuận hợp đồng đối với lĩnh vực sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn.

+ Tổng hợp và báo cáo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác theo yêu cầu; quản lý, kiểm tra việc áp dụng các đơn giá, định mức đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng khoán nội bộ, quyết toán khoán nội bộ theo các hợp đồng kinh tế.

Phòng kinh doanh

- Chức năng:

Tham mưu, giúp việc Giám đốc về công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết hợp đồng kinh tế bán hàng; tiếp thị quảng cáo; phát triển thị trường.

- Nhiệm vụ:

+ Thực hiện công tác đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh; soạn thảo, đàm phán các hợp đồng kinh tế bán hàng trình Giám đốc duyệt. Theo dõi và cập nhật những thông tin về các dự án đầu tư liên quan tại Việt Nam, xây dựng quan hệ với các chủ đầu tư trong các lĩnh vực Công ty quan tâm.

+ Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, phát triển mối quan hệ với các khách hàng công nghiệp nhằm nâng cao sản lượng bán buôn xăng dầu.

+ Thực hiện các giải pháp quản trị kinh doanh tiên tiến để nâng cao sản lượng bán lẻ xăng dầu, kết hợp với các mảng kinh doanh bổ trợ là dầu mỡ nhờn, gas và bảo hiểm Petrolimex để gia tăng hiệu quả.

+ Xem xét điều chỉnh định mức khoán đối với các cửa hàng, phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật.

+ Thực hiện điều động phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động SXKD, thường xuyên khai thác và chăm sóc khách hàng vận tải để giữ vững và phát triển thị phần.

+ Thường xuyên đôn đốc việc thu hồi công nợ, đánh giá năng lực khách hàng khi thực hiện giao kết hợp đồng.

Phòng Công nghệ thông tin:

- Chịu trách nhiệm về công tác quản trị toàn hệ thống.

- Xây dựng hoặc hợp tác để xây dựng các phần mềm quản trị tiên tiến để nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý.

- Đảm bảo tình trạng hoạt động tốt nhất đối với hệ thống máy móc thiết bị của Công ty.



THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Công Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp – Trường Đại học xây dựng
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 103.417 cổ phiếu tương đương 2,65% VĐL
 - Đại diện Nhà nước: 795.285 CP tương đương 20,40% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu:
 - Hoàng Văn Kiên (anh trai): 101.700 cp, tương đương 2,61% VĐL
 - Hoàng Thái Khánh Côn (con trai): 101.700 cp, tương đương 2,61% VĐL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
11/1992 - 9/1997	Chuyên viên Phòng Quản lý - Kỹ thuật PTS Nghệ Tĩnh
10/1997 - 02/2001	Phó trưởng Phòng Quản lý – Kỹ thuật PTS Nghệ Tĩnh
03/2001 - 4/2002	Quyên trưởng Phòng Quản lý – Kỹ thuật PTS Nghệ Tĩnh
5/2002 - 8/2003	Trưởng Phòng Quản lý – Kỹ thuật PTS Nghệ Tĩnh
9/2003 - 7/2004	Học Cao cấp lý luận chính trị
8/2004 - 8/2004	Trưởng Phòng Quản lý – Kỹ PTS Nghệ Tĩnh
9/2004 - 6/2010	Phó Giám đốc PTS Nghệ Tĩnh
7/2010 - 6/2012	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ An
7/2012 - 5/2013	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh
5/2013 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Ông Mạnh Xuân Hùng- Thành viên Hội đồng quản trị- Phó Giám Đốc

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - Sở hữu cá nhân: 35.329 CP tương đương 0,91% VĐL
 - Đại diện Nhà nước: 527.850 CP tương đương 15,30% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu:
 - Vợ: Bà Cao Thị Bích Thảo: 23.899 cổ phần tương đương 0,61% VĐL
 - Em vợ: Bà Cao Thị Phương Dung: 1.695 cổ phần tương đương 0,04% VĐL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
9/1994 - 8/1996	Công tác tại Ủy ban Dân số tỉnh Nghệ An
9/1996 - 9/2000	Công tác tại Xí nghiệp Vận tải cơ khí thuộc PTS Nghệ Tĩnh
10/2000 - 01/2004	Phó Trưởng Phòng Tổ chức hành chính - Công ty PTS Nghệ Tĩnh
02/2004 - 6/2007	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh - Công ty PTS Nghệ Tĩnh
7/2007 - 02/2011	Trưởng Phòng Kinh doanh - Công ty PTS Nghệ Tĩnh
03/2011 - nay	Phó Giám đốc Công ty PTS Nghệ Tĩnh
03/2018 – nay	Thành viên HĐQT quản trị PTS Nghệ Tĩnh

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 39.877 CP tương đương 1,02% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
11/2004 - 10/2010	Chuyên viên kế toán tổng hợp – Phòng kế toán Công ty Xăng dầu Nghệ An
28/10/2010 – 31/10/2010	Chuyên viên phòng Kế toán tài chính PTS Nghệ Tĩnh
11/2010 - 03/2012	Phó trưởng phòng kế toán tài chính PTS Nghệ Tĩnh
04/2012 – 04/2013	Phó trưởng phòng – Phụ Trách Kế toán tài chính PTS Nghệ Tĩnh
04/2013 – 05/2014	Trưởng phòng Kế toán tài chính PTS Nghệ Tĩnh
06/2014 - nay	Kế toán trưởng PTS Nghệ Tĩnh
03/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh

Ông Hoàng Văn Tuyển - Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: Đại diện sở hữu 596.464 CP tương đương 15,30% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
07/2007 – 11/2007	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC), Bộ Xây Dựng.
12/2007 – 11/2008	Chuyên Viên phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán EuroCapital (Hà Nội)
12/2008 – 09/2017	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
07/2013 – 10/2017	Kiểm soát viên Công ty xăng dầu Cà Mau, Công ty xăng dầu Thanh Hóa
07/2013 - nay	Kiểm soát viên Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex (kiêm nhiệm)
10/2017 - nay	Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính Kế Toán, Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex
11/2017 - nay	Bí thư chi bộ Tài chính Kế toán Tổng công ty, Ủy viên Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex.
29/01/2018 - nay	Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Công đoàn Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex
3/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu ban lãnh đạo

Hội đồng quản trị

Ông Võ Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Nghệ An (Petrolimex Nghệ An)
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
12/1994 – 05/1995	Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính – PTS Nghệ Tĩnh
05/1995 – 11/1995	Nghiệp vụ Cửa hàng xăng dầu Cửa Lò – PTS Nghệ Tĩnh
11/1995 – 04/2002	Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính – PTS Nghệ Tĩnh
05/2002 – 10/2007	Phó trưởng Phòng Kế toán tài chính – PTS Nghệ Tĩnh
11/2007 – 10/2011	Trưởng Phòng Kế toán tài chính – PTS Nghệ Tĩnh
11/2011 – 10/2013	Kế toán trưởng – Công ty xăng dầu Nghệ An
11/2013 - nay	Phó Giám đốc – Công ty Xăng dầu Nghệ An
3/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị PTS Nghệ Tĩnh

Ban kiểm soát

Ông Trần Anh Tuấn- Trưởng Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, CNTT
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.226 CP tương đương 0,26% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
2004 – 3/2016	Chuyên viên phòng Kế toán – tài chính
4/2016 – 3/2017	Chuyên viên phòng Kế toán tài chính kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty
4/2017 - nay	Trưởng ban Kiểm soát công ty

Ông Trần Thanh Sơn- Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Bách khoa
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 34.973 CP tương đương 0,9% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
1989 - 1995	Chuyên viên kỹ thuật, Công ty nạo vét Biển II
1996 - 2007	Chuyên viên Quản lý kỹ thuật, Công ty PTS Nghệ Tĩnh
2008 - 2010	Phó Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty PTS Nghệ Tĩnh
2011 - nay	Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty PTS Nghệ Tĩnh

THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu ban lãnh đạo

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Trí Dũng - Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1980
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 30.696 CP tương đương 0,79% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
3/2006 – 10/2012	Chuyên viên phòng Kế toán – tài chính PTS Nghệ Tĩnh
10/2012 – 04/2014	Giám đốc trung tâm thiết bị chuyên dùng – PTS Nghệ Tĩnh
05/2014 – 06/2016	Phó trưởng phòng kinh doanh – PTS Nghệ Tĩnh
10/2016 - nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính – PTS Nghệ Tĩnh
3/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – PTS Nghệ Tĩnh



Ban giám đốc

Ông Hoàng Công Thành- Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị

Ông Mạnh Xuân Hùng- Phó Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị

Ông Trương Hồng Toàn- Phó Giám Đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Học viện Tài chính kế toán Hà Nội
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 38.804 cổ phần tương đương 1% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ - Nơi làm việc
5/1987 - 7/1992	Chuyên viên phòng TCKT, Công ty Xăng dầu B12
8/1992 - 10/1993	Trưởng phòng Kế toán – Kinh doanh, Chi nhánh Xăng dầu Hà Tĩnh, Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh
11/1993 - 7/1997	Trưởng phòng Kế toán tài vụ - Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh
8/1997 - 7/1998	Phó trưởng kho xăng dầu Bến Thủy - Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh
8/1998 - 7/2000	Trưởng phòng Kế toán tài chính – Công ty Vật tư tổng hợp Tây Ninh
8/2000-nay	Phó Giám đốc Công ty PTS Nghệ Tĩnh

Định hướng phát triển

- Chủ động về vốn, tích cực tìm kiếm thị trường, phát huy mọi nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, hạch toán chi phí tiết kiệm, tạo nhiều việc làm cho công nhân lao động, nâng cao thu nhập và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội. Phấn đấu đạt tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước về các chỉ tiêu chủ yếu như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...
- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp.

THÔNG TIN CHUNG

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong nửa đầu năm 2018, kinh tế thế giới đã duy trì đà tăng trưởng tốt, tuy nhiên sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc khiến quá trình lưu thông hàng hóa, tiền tệ trên thế giới có sự chuyển dịch. Các đơn hàng về gia công xuất khẩu có xu hướng dịch chuyển về các nước khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Myanmar, Campuchia..., nơi sở hữu nguồn lao động giá rẻ, các chính sách mở rộng thương mại và chấp nhận vấn đề về môi trường để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế. Thế nhưng, xét khía cạnh toàn diện bất kể cuộc chiến tranh thương mại nào cũng sẽ làm tổn thương nền kinh tế của các bên tham gia. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam đang có độ mở lớn và Mỹ - Trung Quốc là hai đối tác quan trọng nên tình hình kinh tế thế giới hiện nay tiềm ẩn nhiều rủi ro cho Việt Nam.

Xét về kinh tế Việt Nam, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Bên cạnh đó, năm 2018, Nhà nước đặt kế hoạch điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ với cách thức và thời gian hợp lý, phù hợp với diễn biến thị trường; phấn đấu ổn định mặt bằng lãi suất, khi điều kiện cho phép sẽ giảm lãi suất cho vay đối với một số đối tượng và kỳ hạn cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn. Tính đến ngày 31/12/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,74% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 9,59%). Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,15%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 9,52%. Tín dụng tiếp tục đà tăng trưởng tốt thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.

Mặt bằng lãi suất vẫn được giữ ổn định. Một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,5-7,2%; lãi suất cho vay khoảng 6-11%.

Tóm lại, những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế vĩ mô sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng phát triển. Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh cần tận dụng thời cơ và chuẩn bị kỹ càng phương án huy động vốn, gia tăng hiệu quả kinh doanh để đạt được kết quả tốt trong năm



2019.

Rủi ro pháp luật

Là công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và văn bản liên quan.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

Rủi ro đặc thù

- **Rủi ro đặc thù ngành xăng dầu:** Hoạt động vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; mua, bán xăng dầu và các loại sản phẩm hóa dầu, vật tư thiết bị chuyên dùng, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, gỗ, hàng lâm đặc sản... là hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao và có thị trường tiềm năng rất lớn vì nhu cầu về vận tải và nhiên liệu là rất lớn. Với đặc điểm doanh thu kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nên sự biến động giá xăng dầu có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, các chính sách quản lý của Nhà nước cho hoạt động này vẫn chưa tạo ra một cơ chế thị trường thật sự minh bạch, do vậy Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) nói chung và Công ty nói riêng vẫn bị phụ thuộc vào các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước.

- **Rủi ro về công nghệ:** Nhu cầu về nhiên vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý về độ an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành Xăng dầu cũng cần có giải pháp về các yếu tố chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- **Rủi ro lãi suất:** Do đặc thù kinh doanh xăng dầu giá trị hợp đồng lớn, thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn, vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty.

02 **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của
chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	% Tăng trưởng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu VNĐ	1.055.964,31	1.291.477,32	22,30%
Giá vốn hàng bán	Triệu VNĐ	925.167,42	1.154.841,40	24,83%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Triệu VNĐ	7.182,99	8.221,78	14,46%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	7.112,45	8.323,67	17,03%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	5.555,62	6.406,60	15,32%

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 đạt 1.291.477,32 triệu đồng, tăng 22,30% so với năm ngoái. Đóng góp chính vào sự gia tăng này là do sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh xăng dầu chính. Cụ thể, doanh thu từ kinh doanh xăng dầu chính năm 2018 đạt 1.100.770,33 triệu đồng, tăng 24,15% so với năm 2017 và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần. Bên cạnh đó, doanh thu kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ tăng 20,38%, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai cơ cấu doanh thu thuần. Hoạt động kinh doanh gas và phụ kiện đem về khoản doanh thu 16.782,21 triệu đồng, tăng 19,51% so với năm ngoái. Doanh thu tăng góp phần làm lợi nhuận công ty tăng: Lợi nhuận thuần từ HĐKD tăng 14,46%, lợi nhuận sau thuế tăng 15,32%.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

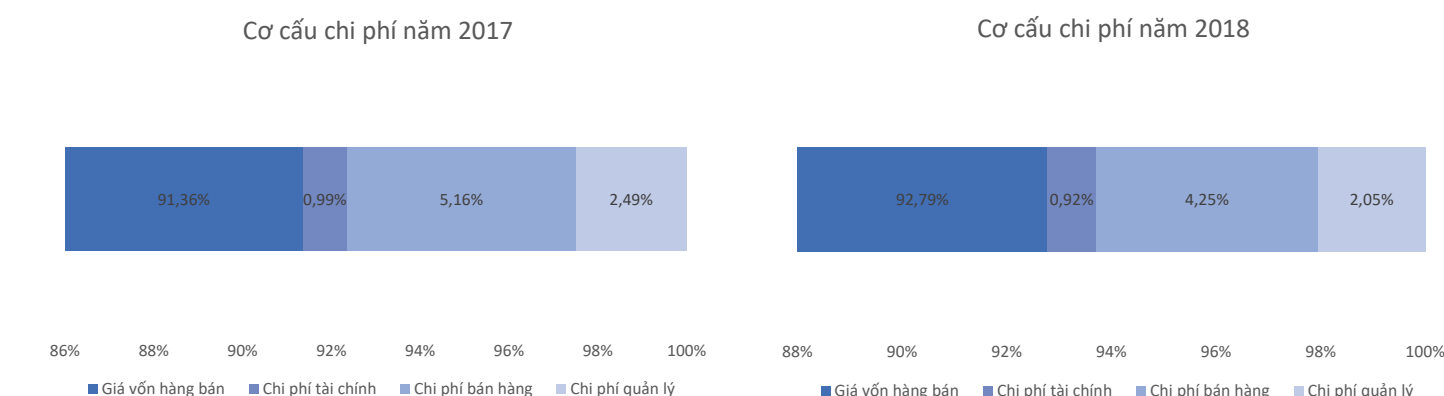
TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	%TH 2018/KH 2018
1	Sản lượng thực hiện				
	Xăng dầu	m3	66.400	69.161	104
	Dầu mỡ nhờn	Lit	172.000	140.746	82
	Gas	Kg	655.000	704.566	108
	Vận tải	m3.km	52.000.000	60.828.965	117
	Đào tạo lái xe	Học viên	8.180	10.485	128
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.096.487	1.291.840	118
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	7.957	8.324	105
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.299	6.407	102
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	39.786	72.800	182

Nhìn chung trong năm 2018, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên, các chỉ tiêu của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Cơ cấu doanh thu

Nhóm sản phẩm	2017		2018	
	Giá trị (Đơn vị: Triệu đồng)	Tỷ trọng %/DTT	Giá trị (Đơn vị: Triệu đồng)	Tỷ trọng %/DTT
Kinh doanh xăng dầu chính	886.669,97	83,97	1.100.770,33	85,24
Kinh doanh dầu mỡ nhờn	7.269,17	0,69	6.573,01	0,5
Kinh doanh Gas và phụ kiện	14.042,82	1,33	16.782,21	1,3
DT bán vật tư cột bơm	764,73	0,07	88,32	0,01
KD dịch vụ vận tải đường bộ	86.091,70	8,15	103.636,81	8,02
Cơ khí, sửa chữa	3.574,38	0,34	1.354,08	0,1
Doanh thu trường lái	21.290,19	2,02	23.354,84	1,81
Doanh thu nội bộ	36.261,34	3,43	38.917,72	3,02
Tổng	1.055.964,31	100	1.291.477,32	100

Cơ cấu chi phí

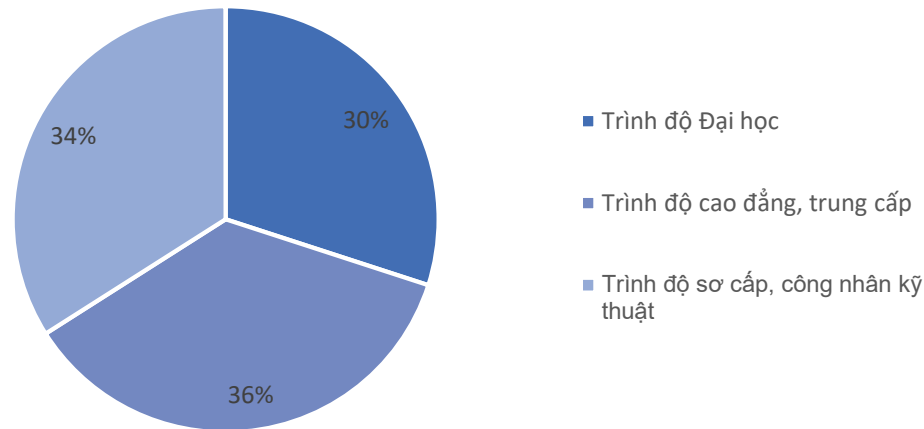


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổ chức và nhân sự

Thống kê nhân sự (ngày 31/12/2018)

Cơ cấu nhân sự năm 2018



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng:

Thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, mọi thông tin tuyển dụng đều được truyền tải đến mọi ứng viên thích hợp cho vị trí tuyển dụng. Mục đích thu hút những ứng viên mới có tiềm năng cũng đang là mục đích nhìn nhận sự phát triển của toàn bộ nhân viên Công ty.

Chính sách thu hút nhân tài:

Chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty, đáp ứng nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng qui định của Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành.

Chính sách lương:

Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường; nếu mức thu nhập bình quân năm 2005 là 1,4 triệu đồng/người/tháng thì năm 2018 đã đạt 8,6 triệu đồng/người/tháng. Nâng bậc lương đối với cán bộ gián tiếp đúng thời hạn, ngạch bậc và kịp thời. Xét và tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân các cấp bậc cán bộ công nhân viên hàng năm theo đúng quy định.

Chính sách đào tạo:

Tất cả những ứng viên khi được lựa chọn là thành viên của Công ty sẽ được hưởng những cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty sẽ tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận và dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.

Tình hình đầu tư

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Trong năm 2018 tổng giá trị đầu tư của Công ty là: 72.800 triệu đồng.

- Công ty đã xây dựng xong và đưa vào hoạt động CHXD Đại Nài, CHXD Thạch Linh, CHXD Kỳ Châu; Bãi tập xe cho Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS tại Hưng Đông đã cơ bản hoàn thành.

- Triển khai thủ tục đầu tư 03 CHXD (Thạch Quý, Thạch Sơn và Hiến Sơn), dự kiến quý I năm 2019 sẽ hoàn thành thủ tục đầu tư.

- CHXD Hưng Đông mới (Nghệ An) và CHXD Yên Hồ (Hà Tĩnh) là 2 cửa hàng phát sinh ngoài kế hoạch 2018, cơ quan chức năng đã chấp thuận chủ trương đầu tư và công ty đang làm thủ tục tiếp theo.



- Triển khai cải tạo nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại các đơn vị cơ sở: CHXD Trường Thi, CHXD Nghi Hoa, CHXD Thạch Khê, CHXD Hưng Lộc, CHXD Nghĩa Trung, TTĐT và Sát hạch lái xe...

- Nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu Petrolimex (thay đổi hộp đèn chữ P, chữ Petrolimex trên diêm MCCB) cho một số CHXD: Xuân Linh, Diễn Đoài, Đại Nài, Nghi Long, Nghi Hoa.

- Thực hiện đầu tư mới 06 xe Hyundai, tạc nhôm 28-29 m3; đầu tư thay thế 2 đầu kéo Dawoo; mua 18 xe từ Công ty xăng dầu Thanh Hóa.

Công ty con, công ty không liên kết: Không có

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	188.579,17	247.125,26	31,05%
Doanh thu thuần	Triệu VNĐ	1.019.702,96	1.252.559,61	22,84%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu VNĐ	7.182,99	8.221,78	14,46%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu VNĐ	-70,53	101,89	-244,46%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	7.112,45	8.323,67	17,03%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	5.555,62	6.406,60	15,32%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,49	0,4	-18,37%
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,33	-13,16%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	73,84	77,57	5,05%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	282,22	345,89	22,56%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	81,18	102,62	26,41%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	5,41	5,75	6,28%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,54	0,51	-5,56%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	13,08	12,23	-6,50%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	3,07	2,94	-4,23%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	0,70	0,66	-5,71%

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là 0,4 lần, tiếp tục giảm so với năm 2017. Sự thay đổi này chủ yếu xuất phát từ việc công ty gia tăng các khoản vay tài chính ngắn hạn lên 51% so với cùng kỳ năm trước để đầu tư vào tài sản cố định phục vụ sản xuất (gia tăng tương ứng là 33,56%). Hệ số thanh toán nhanh cũng theo đó mà giảm nhẹ xuống 0,33.

Hệ số nợ năm 2018 tăng nhẹ so với năm trước cũng vì ảnh hưởng của khoản vay trên, không có sự thay đổi bất thường.

Năm 2018 có sự cải thiện đáng kể về vòng quay hàng tồn kho, tăng từ 81,18 lên 102,62 cho thấy sự cải thiện về khả năng quản lý hàng tồn kho/lưu chuyển của mình. Trong đó, công ty tăng doanh thu thêm 22% mà vẫn giữ được số hàng tồn kho gần như không đổi.

Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản của công ty tiếp tục tăng nhẹ so với năm 2017, lên mức 5,75 cho thấy công ty vẫn giữ được sự tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm nhẹ so với năm 2017 nhưng vẫn ở mức thay đổi thấp, cho thấy công ty vẫn có khả năng giữ vững tăng trưởng trong thời gian tới và cần tăng thêm nữa khả năng sinh lời của mình.

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty đã phát hành 3.88.457 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 3.898.457
- Số cổ phần ưu đãi: 0
- Số cổ phần đang lưu hành: 3.898.457
- Số cổ phiếu quỹ: 0
- Mệnh giá cổ phiếu: 10000 đồng

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 6/12/2018 (Ngày chốt danh sách họp Đại hội cổ đông bất thường)

STT	Cổ đông	SL CĐ	Số lượng CP	Tỷ lệ
I	Trong nước	303	3.898.457	100%
1	Tổ chức	1	1.988.235	51%
2	Cá nhân	304	1.910.222	49%
II	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	304	3.898.457	100%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (Ngày chốt danh sách họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2018)

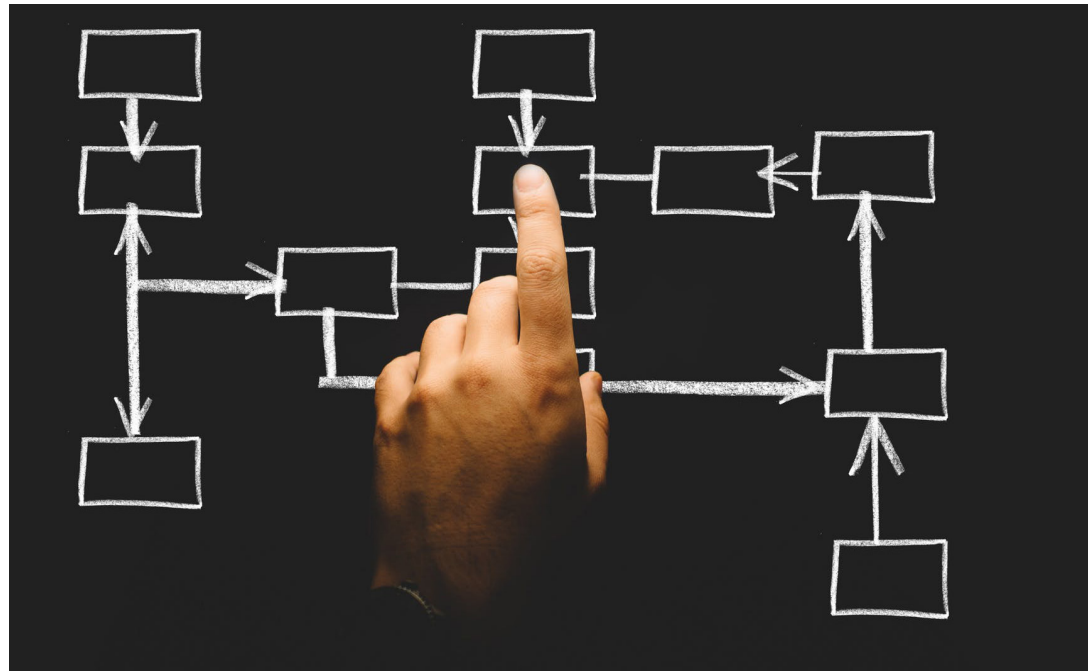
STT	Cổ đông	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex	229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, thành phố Hà Nội	0108005532	1.988.213	51,00

Danh sách những người có liên quan đến các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ	SL CP sở hữu
1	Tổng Công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex		
	Ông Hoàng Công Thành	Nhận ủy quyền đại diện 795.285 CP	103.417 CP
	Ông Mạnh Xuân Hùng	Nhận ủy quyền đại diện 596.464 CP	35.329 CP
	Ông Hoàng Văn Tuyển	Phó trưởng Phòng Phụ trách Kế toán Tổng Công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex - Nhận ủy quyền đại diện 596.464 CP	0 CP
	Tổng cộng		138.746 CP

Lịch sử tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
2004	7,5 tỷ đồng	4 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010
2010	11,5 tỷ đồng	11,5 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25/11/2009 - Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 576/UBCK-GCN ngày 01/06/2010 của Ủy ban CKNN
2017	23 tỷ đồng	11,5 tỷ đồng	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 - Giấy chứng nhận chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 13/01/2017 của UBCKNN
2018	34,5 tỷ đồng	4,48457 tỷ đồng	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 13%	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 - Công văn chấp thuận số 3731/UBCK-QL-CB ngày 13/6/2018 của UBCKNN





03

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Tình hình tài chính

Kế hoạch năm 2019

Kết luận

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Tổng quan về môi trường kinh doanh trong năm 2018

Năm 2018, nền kinh tế trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước đạt 6,7%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng tỉnh Nghệ An đạt: 8,6%; Hà Tĩnh: 20%.

Toàn tỉnh Nghệ An đã cấp mới (chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) cho 50 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký 6.200 tỷ đồng. Đây là một yếu tố rất thuận lợi cho Công ty tiếp cận các dự án nhằm gia tăng sản lượng và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Việc điều hành giá xăng dầu của chính phủ năm 2018 đã bám sát với giá dầu thế giới, vận hành theo Nghị định số 83/2014/NĐ - CP, do đó cơ chế lãi gộp

linh hoạt được duy trì khá ổn định. Ngoài những mặt thuận lợi thì thị trường xăng dầu nội địa cạnh tranh ngày càng quyết liệt, số lượng cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tăng đã chia sẻ thị phần. Việc cạnh tranh không bình đẳng giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành hàng vẫn diễn ra thường xuyên. Ngoài ra các đơn vị như PV Oil, DKC không ngừng đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới phân phối, thông qua việc đưa ra các cơ chế bán hàng có sức cạnh tranh cao, những điều này ảnh hưởng lớn đến thị phần Petrolimex trên địa bàn.

Thị trường vận tải gặp nhiều khó khăn, vận tải nội địa bị cạnh tranh lớn với các đơn vị tư nhân, đặc biệt là vận tải cho đối

tượng là các khách hàng đại lý, khách công trình của các đối tác truyền thống. Thời điểm đầu năm 2018, do chuyển đổi mặt hàng nên công tác vận tải gặp nhiều khó khăn. Phương tiện không tận dụng và khai thác được hết năng lực, các xe phải nằm chờ tại kho ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả Công ty. Trong khi đó vận tải Lào, thủ tục tái xuất qua cửa khẩu gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến sản lượng của các đơn vị. Do cơ quan kiểm hóa tại cửa khẩu đang áp dụng bộ tỷ trọng theo tiêu chuẩn Thái Lan đối với mặt hàng Xăng (≥ 0.72). Bên cạnh đó thị trường Lào không ổn định do một số khách hàng của PLL đã chủ động đầu tư phương tiện để vận chuyển.

Những kết quả đạt được

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Thực hiện		Tỷ lệ TH % 2018 so với	
				2017	2018	2017	KH2018
1	Sản lượng thực hiện						
-	Xăng dầu	m3	66.400	65.670	69.161	105	104
-	Dầu mỡ nhờn	Lit	172.000	164.964	140.746	85	82
-	Gas	Kg	655.000	610.431	704.566	115	108
-	Vận tải	m3.km	52.000.000	50.721.818	60.828.965	120	117
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.180	9.589	10.485	109	128
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.096.487	1.019.782	1.291.840	127	118
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	7.957	7.112	8.324	117	105
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.299	5.556	6.407	115	102
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	39.786	35.128	72.800	207	182

Nhìn chung trong năm 2018, tuy môi trường kinh doanh gặp không ít khó khăn nhưng các chỉ tiêu của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:



Ron 92 là một mặt hàng mới, với nguồn hàng chủ động (trong khi đó các đối tác khác bị động nguồn hàng) từ đó Công ty tăng được sản lượng bán ra, đồng thời Công ty cũng phát triển thêm khá nhiều các khách hàng, cũng như xây dựng các chính sách cơ chế nhằm kích thích người lao động tăng sản lượng và thu hút khách hàng đến mua hàng.

Năm 2018, thời tiết vùng Nghệ An - Hà Tĩnh khá thuận lợi nên nhu cầu vận tải hàng hóa tăng cao, cũng như phù hợp với việc thi công công trình, do đó nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu cũng tăng cao hơn. Năng suất lao động bình quân trong năm 2018 là: 24,3 M3/người/tháng, tăng 0,3 M3/người/tháng, đây là mức tăng chưa đạt được sự kỳ vọng.

- Tổng sản lượng dầu mỡ nhờn: 140.746 lít, đạt 82% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ:

Sản lượng dầu nhờn có sự giảm sút lớn, chủ yếu do gặp phải sự cạnh tranh lớn từ nhiều hãng dầu. Các cửa hàng xăng dầu chưa chú trọng nhiều đến việc mở rộng thị trường dầu nhờn. Trong khi cơ chế thị trường và giá bán các mặt hàng dầu nhờn của Petrolimex luôn cao hơn các hãng khác nên việc lôi kéo khách hàng gặp nhiều khó khăn.

- Sản lượng gas đạt: 704.566 tấn, đạt 108% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ. Đây là nỗ lực khai thác khách hàng rất lớn trong điều kiện thị trường cạnh tranh cao và Công ty chịu bất lợi về chính sách giá bán.

Lĩnh vực vận tải xăng dầu:

- Tổng sản lượng vận tải năm 2018 đạt: 60.828.965 m3km, đạt 117% kế hoạch, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó:
+ Vận tải Lào: 25.204.914 m3km, đạt 110% kế hoạch, giảm 12% so với cùng kỳ.
+ Vận tải nội địa: 35.624.051 m3km, đạt 145% kế hoạch, tăng 62% so với cùng kỳ.

Cụ thể như sau:

- Đối với vận tải Lào:
+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Petrolimex Lào đạt 105% kế hoạch, giảm 12% so với cùng kỳ là do một số địa bàn như Khamuon, Packsan, Savanakhech và Lacxao các Kho chủ động đầu tư phương tiện và thuê phương tiện của người Lào để vận chuyển. Bên cạnh đó PLL còn chủ động thuê thêm các phương tiện ngoài để vận chuyển cho Vienchan và đặc biệt là Xiengkhuang (PTS Hà Tây).

+ Sản lượng vận chuyển cho Tổng Công ty Xăng dầu Lào đạt 186% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ là do Tổng Công ty

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, gas:

Tổng sản lượng xăng dầu năm 2018 đạt: 69.161 M3, đạt 104% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ, trong đó:

- + Bán lẻ: 42.867 M3 đạt 101% kế hoạch, tăng 7% so với cùng kỳ
- + Bán buôn: 24.559 M3 đạt 110% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ
- + Nội bộ: 1.735 M3 đạt 102% kế hoạch, giảm 2% so với cùng kỳ.

Sản lượng xuất bán xăng dầu năm 2018 tăng là do: Nhà nước bãi bỏ mặt hàng xăng Ron 92 và thay thế bằng xăng E5

xăng dầu Lào tăng thị phần tại thị trường Hòa Phấn, Sầm Nưa và một phần là sản lượng các công trình thủy điện tại Xiengkhuang tăng cao.

+ Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Quân đội Lào đạt 50% kế hoạch, giảm 57% so với cùng kỳ là do đơn vị phụ thuộc vào nguồn ngân sách Lào trong khi đó nguồn ngân sách rất hạn chế và chậm thời gian dẫn đến tiến độ cho kế hoạch đơn hàng không kịp.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

Những kết quả đạt được

- Đối với vận tải nội địa:
 + Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Nghệ An đạt 87% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ là do sản lượng tại các cửa hàng xa vị trí trung tâm sản lượng giảm, bên cạnh đó sản lượng cho khối khách hàng bán buôn giảm mạnh, đạt 62% kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ.
 + Sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh đạt 100% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ là do năm 2018 tăng 03 cửa hàng so với năm 2017.
 + Sản lượng của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa (đạt 941% kế hoạch, tăng 869% so với cùng kỳ) và Quảng Bình (đạt 631% kế hoạch, tăng 549% so với cùng kỳ). Sản lượng tăng đột biến do đầu năm 2018 chuyển đổi mặt hàng A92 thành E5 nên kho phía bắc và phía nam không đủ nguồn hàng, lượng hàng của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa và Quảng Bình phải lấy kho Bến Thủy và Nghi Hương, thêm vào đó từ tháng 6 năm 2018 có sự chuyển giao đội xe Thanh Hóa cho Công ty nên toàn bộ sản lượng bán của Công ty XD Thanh Hóa do Công ty vận chuyển.
 + Sản lượng vận chuyển cho Công ty CP Nhiên liệu bay Petro-limex (PA) đạt 139% kế hoạch, tăng 140% so với cùng kỳ là do

từ tháng 8/2018 Công ty được bổ sung thêm 01 phương tiện dung tích 45m3, trong khi đó cùng kỳ Công ty chỉ tham gia vận chuyển từ tháng 6/2017.

Lĩnh vực đào tạo sát hạch lái xe và các lĩnh vực khác

Mặc dù tiếp tục phải chịu sự cạnh tranh rất lớn của 09 trung tâm trên địa bàn, trong khi ban ngành quản lý ngày càng thắt chặt công tác kiểm tra, giám sát công tác đào tạo và sát hạch. Nhưng với lợi thế được cấp phép sát hạch ô tô từ ngày 12/01/2017, đồng thời được thu hút dịch vụ sát hạch của các trung tâm khác từ đầu năm 2018 dẫn đến việc thu hút học viên tại Trung tâm khả quan hơn.

- Tổng số lượng đào tạo là: 10.485 học viên, đạt 128% kế hoạch cả năm, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017.

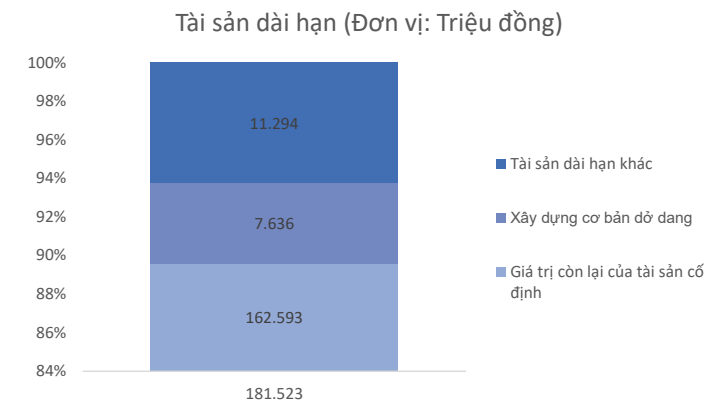
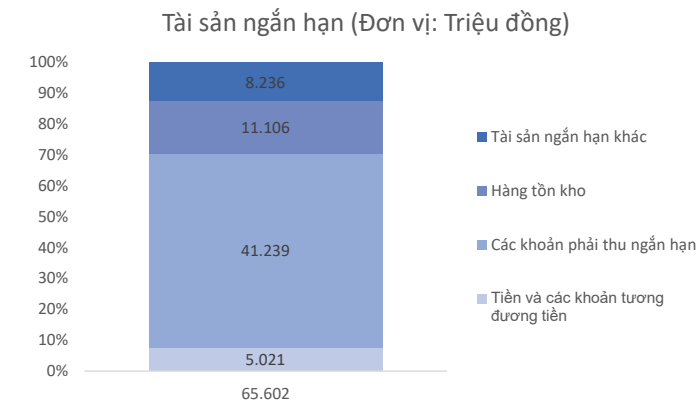
- Lợi nhuận đào tạo lái xe đạt 1.340 triệu đồng.

- Lĩnh vực cơ khí sửa chữa, kinh doanh cột bơm và các lĩnh vực khác mang lại lợi nhuận 168 triệu đồng, đạt 67% so với KH, tăng 363% so với năm 2017. Các lĩnh vực này đã hỗ trợ tốt cho các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

Tình hình tài chính

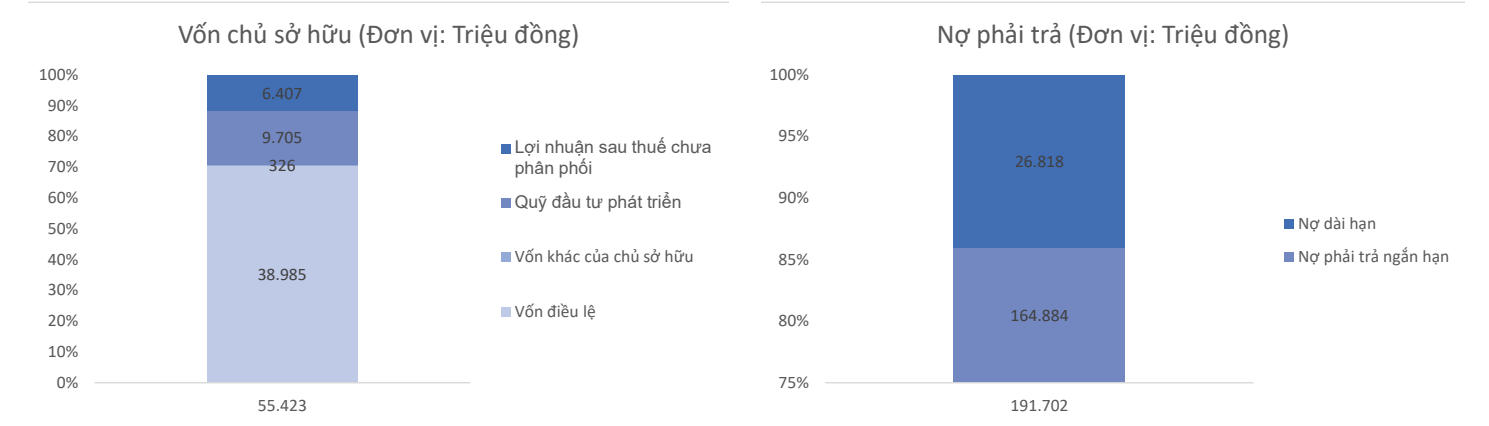
Tình hình tài sản của Công ty

Giá trị tài sản Công ty thời điểm 31/12/2018 là 247.125 triệu đồng, tăng 58.546 triệu đồng so với đầu năm 2018, tỷ lệ tăng 31% so với năm 2017:



Tình hình tài chính

Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:



Phân tích các chỉ tiêu

TT	Chỉ tiêu cơ cấu vốn, tài sản	Đơn vị tính	TH năm 2017	TH năm 2018
Cơ cấu tài sản				
1	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	71,8	73,6
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	28,2	26,5
Cơ cấu nguồn vốn				
2	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,8	77,6
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,2	22,4
Hệ số nợ				
3	Hệ số nợ/ tổng tài sản	Lần	0,74	0,78
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	2,8	3,4
	Hệ số nợ ngân hàng/ vốn chủ sở hữu	Lần	2,3	2,8

Qua các chỉ tiêu trên thì tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn chiếm 73,6%, tài sản ngắn hạn chỉ chiếm 26,5% tổng tài sản. Nguồn vốn chủ yếu là vốn vay, vốn vay và nợ phải trả chiếm 77,6% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 22,4% tổng nguồn vốn. Công ty cũng đã hoàn tất các thủ tục chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu, khiến vốn điều lệ tăng lên 38.985 triệu đồng trong năm 2018 và cũng đã có kế hoạch nâng vốn điều lệ tiếp theo trong năm 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Kế hoạch năm 2019 và các giải pháp thực hiện

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	% KH 2019 so với TH 2018
1	Sản lượng thực hiện			
-	Xăng dầu	m3	64.970	95
-	Dầu mỡ nhờn	Lit	147.783	105
-	Gas	Kg	753.886	107
-	Vận tải	m3.km	65.860.335	108
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.439	78
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.189.163	92
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	8.913	107
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	77
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	62.470	86

Một số giải pháp chủ yếu

- Tổ chức quyết liệt công tác kinh doanh Gas, dầu mỡ nhờn, bảo hiểm phần đầu gia tăng sản lượng bán ra. Chú trọng các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng truyền thống.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác vận tải, các cửa hàng bán lẻ nhằm nâng cao chất lượng vận tải, chi phối thị trường vận tải cũng như nâng cao chất lượng phục vụ tại các cửa hàng bán lẻ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở, nâng cao chất lượng công tác quản lý các đơn vị, quản lý dòng tiền. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về tài chính, bảo toàn tốt và phát triển vốn, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Nắm bắt tốt thông tin thị trường, kịp thời đưa ra các chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời điểm.
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong SXKD, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an ninh, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.
- Tiếp tục thực hiện tốt việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, nhằm phát huy sở trường, năng lực của mỗi người, tạo nguồn cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Doanh nghiệp.

Kết luận

Trong năm 2018, tuy gặp phải nhiều khó khăn cũng như sự cạnh tranh lớn trên thị trường nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên còn nhiều lĩnh vực kinh doanh của Công ty vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Trong năm 2019, dự kiến sự cạnh tranh trên thị trường còn lớn hơn, nhiều yếu tố khách quan sẽ ảnh hưởng đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty và sự phối hợp chặt chẽ sức mạnh trong hệ thống Petrolimex, Công ty PTS Nghệ Tĩnh sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đặt ra.



04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đặc điểm tình hình

Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018

Phương hướng năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đặc điểm tình hình

Năm 2018, tình hình kinh tế trong nước nói chung và điều kiện kinh doanh xăng dầu nói riêng có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng, tạo điều kiện để Ban Điều hành triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Với việc kiên trì những mục tiêu và giải pháp đề ra từ đầu năm, thực hiện điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, thích ứng kịp thời với điều kiện thị trường, Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, đặc biệt là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2018 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bằng Nghị quyết ngày 11/4/2018.

Đánh giá về các mặt hoạt động của HĐQT năm 2018:

Phân phối lợi nhuận năm 2018: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng nội dung của Nghị quyết đại hội;

- HĐQT đã triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 để thông qua phương án nâng vốn Điều lệ Công ty theo tỷ lệ 1:0,5. Ban hành Biên bản và Nghị quyết Đại hội, công bố thông tin về đại hội theo đúng quy định.

- Triển khai làm hồ sơ nâng vốn Điều lệ căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường, dự kiến Công ty sẽ thực hiện nâng vốn Điều lệ vào cuối quý I, đầu quý II năm 2019.

- Thực hiện chi trả thù lao của HĐQT năm 2018 theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018;

- Tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty;

- Tổ chức 02 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các phiên họp về thành lập Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh và Thanh Hóa;

- HĐQT thông qua việc điều chỉnh giá trị đầu tư năm 2018 so với kế hoạch đã được thông qua tại ĐHĐCĐ do Công ty mua lại 18 xe stec của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa;

- Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;

- Ban hành các Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ, Nghị quyết về các vấn đề lấy ý kiến các Thành viên HĐQT;



- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đã được Điều lệ Công ty quy định.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty năm 2018

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

+ Lợi nhuận trước thuế: 8.324 triệu đồng, đạt 117% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ.

+ Lợi nhuận sau thuế: 6.407 triệu đồng.

+ Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 13%

+ Tổng giá trị đầu tư năm 2018: 72.800 triệu đồng

+ Thu nhập bình quân từ tiền lương và các khoản phụ cấp của người lao động: 8,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với cùng kỳ

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị kinh doanh để nâng

cao sản lượng kinh doanh xăng dầu

- Quản trị tốt công nợ khách hàng trong điều kiện sản lượng bán buôn vẫn có mức tăng trưởng mạnh

- Xây dựng đề án và hoàn thiện quy trình thành lập các Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa, Hà Tĩnh

- Thực hiện tốt việc mở rộng mạng lưới bán lẻ, đã hoàn thành việc xây dựng mới 03 CHXD tại tỉnh Hà Tĩnh, thuê 01 CHXD tại tỉnh Thanh Hóa

- Quy hoạch hệ thống phương tiện vận tải để đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn khi phát sinh nhu cầu thực tế.

Đánh giá chung

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc giám sát đối với Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đã được hoàn thành tốt, tạo điều kiện cho việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Đồng thời, chúng tôi cũng nhận thấy rằng mặc dù còn một số mặt chưa đạt được yêu cầu như mong muốn của từng thành viên HĐQT, của Quý cổ đông và của tập thể người lao động trong Công ty. Một số thành viên HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, phân tán nên đôi khi chưa đôn đốc sát sao công tác quản lý điều hành Công ty, tỷ lệ vốn chủ sở hữu của Công ty thấp khiến cho công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn, tuy vậy chúng tôi vẫn mạnh dạn báo cáo trước Quý cổ đông rằng HĐQT Công ty PTS Nghệ Tĩnh đã hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu mà ĐHĐCĐ năm 2018 đã giao.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phương hướng năm 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019	% KH 2019 so với TH 2018
1	Sản lượng thực hiện			
-	Xăng dầu	m3	64.970	95
-	Dầu mỡ nhờn	Lit	147.783	105
-	Gas	Kg	753.886	107
-	Vận tải	m3.km	65.860.335	108
-	Đào tạo lái xe	Học viên	8.439	78
2	Doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	1.189.163	92
3	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tr.đồng	8.913	107
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	77
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đồng	62.470	86

Trong năm 2019, trong điều kiện cơ chế kinh doanh xăng dầu và vận tải sẽ có nhiều biến động, khả năng gia tăng sản lượng kinh doanh xăng dầu không lớn như các năm trước, thị trường kinh doanh vận tải Lào tiếp tục gặp nhiều khó khăn...HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do ĐHCĐ giao.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình.
- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty trong tình hình mới, đặc biệt là khi

Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung.

- Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương - thưởng đối với người lao động.
- Thực hiện các chức năng quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng chức năng và quyền hạn, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với kỳ vọng của các Quý cổ đông.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT và BGD

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hoàng Công Thành	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc	896.632	23,05
Hoàng Văn Tuyến	Thành viên HĐQT	596.464	15,30
Mạnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	563.179	16,21
Đào Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng	39.877	1,02
Võ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

- Đại hội cổ đông năm 2018 đã thông qua tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. Bãi nhiệm chức danh của 2 thành viên HĐQT Công ty, gồm Ông Phạm Đức Thắng – Chủ tịch HĐQT, Trưởng nhóm đại diện phần vốn Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty và Ông Nguyễn Thanh Hải – ủy viên HĐQT, thành viên nhóm đại diện phần vốn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam tại Công ty.
- HĐQT đã bổ sung thêm 2 thành viên gồm Ông Võ Anh Tuấn – Phó Giám đốc Công ty xăng dầu Nghệ An tham gia HĐQT với tư cách thành viên độc lập và Ông Hoàng Văn Tuyến – Phó Trưởng phòng phụ trách phòng kế toán tài chính Tổng công ty là thành viên nhóm đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty. Ông Hoàng Công Thành – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty được bầu là Chủ tịch HĐQT và là Trưởng nhóm đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty.
- HĐQT giao kế hoạch SXKD tổng hợp năm 2018 cho Công ty.
- Trong năm HĐQT đã tiến hành họp định kỳ 4 phiên và ban hành 09 Nghị quyết và Điều lệ Công ty.
- Tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên tháng 4/2018 và thực hiện trả cổ tức 13% vốn điều lệ bằng cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM và giao dịch đầu tiên vào ngày 30/7/2018.
- Nhằm cơ cấu lại nguồn vốn để đảm bảo công tác tài chính cho Công ty, HĐQT đã trình Phương án tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:0,5 và đã được thông qua Đại hội cổ đông bất thường vào ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm

- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường

niên năm 2018.

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
- Năm 2018 Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 thông qua (doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu, cổ tức).
- Thành lập 2 Chi nhánh trực thuộc trên địa bàn 2 tỉnh Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Ngày 01/06/2018 Công ty thành lập Chi nhánh vận tải và dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa với đội xe bao gồm 18 phương tiện vận tải, đồng thời thuê CHXD Trúc Lâm nhằm mục đích mở rộng thị trường và cung cấp nhiên liệu nội bộ cho đội xe. Ngày 12/11/2018 thành lập Chi nhánh vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh trên cơ sở hợp nhất 8 CHXD kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trần Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm Soát	10.226	0,26
Trần Thanh Sơn	Thành viên Ban Kiểm Soát	34.973	0,9
Nguyễn Trí Dũng	Thành viên Ban Kiểm Soát	30.696	0,79

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018

Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị (HĐQT), các quy định pháp lý hiện hành. Trong năm 2018 BKS đã triển thực hiện các công việc sau:

- BKS đã xây dựng chương trình kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo khả năng chuyên môn.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết của HĐQT. Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm, rà soát công nợ khách hàng, chi phí kinh doanh, lao động tiền lương và thực hiện kế hoạch đầu tư. Định kỳ 6 tháng /năm báo cáo kiểm soát gửi HĐQT và Ban điều hành trong đó có đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị Công ty.

Kết quả kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty

- Ban kiểm soát thống nhất với nội dung của Báo cáo tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

- Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: Mặc dù công tác kinh doanh gặp không ít những khó khăn, tuy nhiên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã tích cực triển khai nhiều giải pháp hoàn thành chỉ tiêu KH năm 2018, duy trì ổn định Công ty, bảo toàn vốn cổ đông, nâng cao đời sống và thu nhập của cán bộ công nhân viên. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Giám đốc được thực hiện cơ bản theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ban kiểm soát

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2018 phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Công ty.

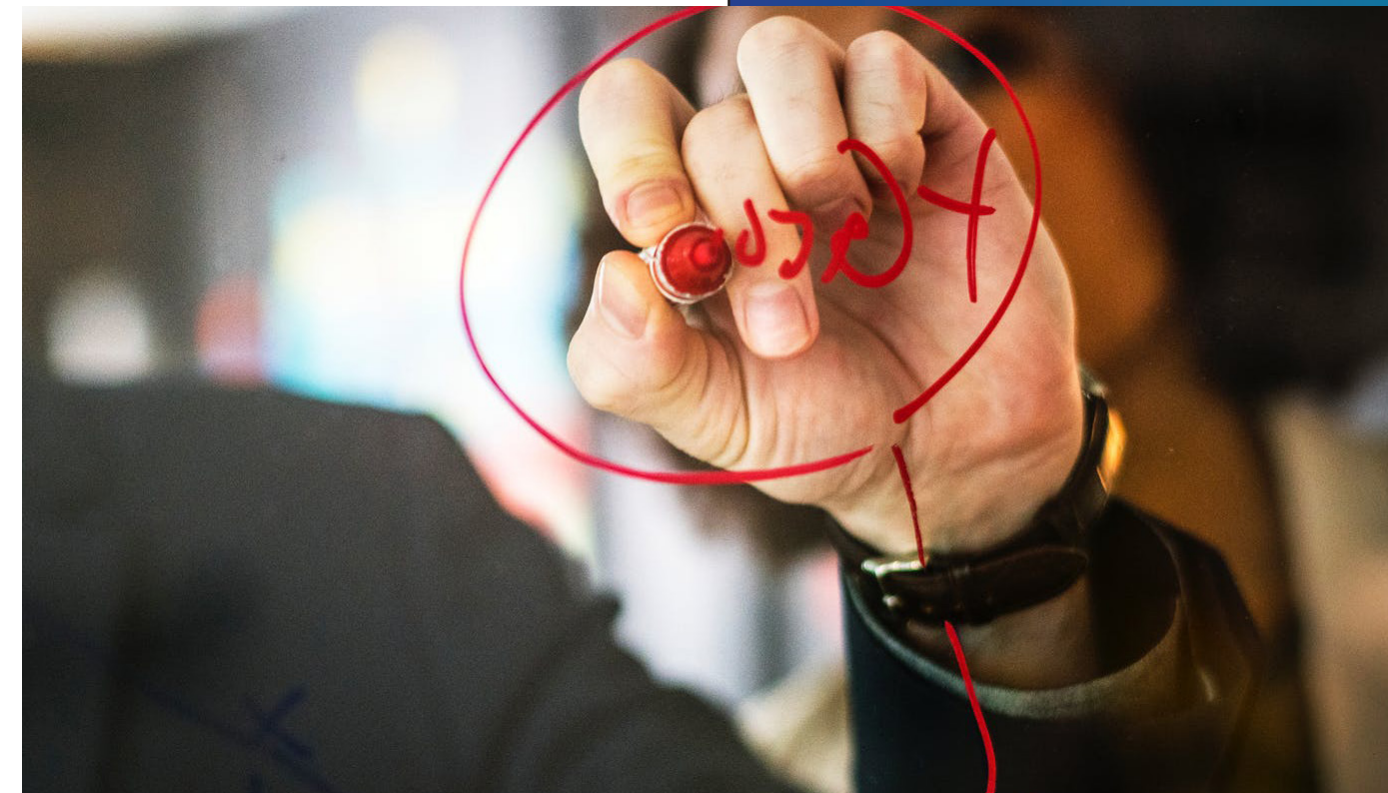
Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Trong năm 2018, BKS được cung cấp thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT, các thành viên BKS được mời tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT.
 - Định kỳ 6 tháng/năm BKS gửi báo cáo kiểm soát cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Hoàn thành báo cáo hoạt động BKS sau khi tiếp thu các ý kiến của HĐQT. BKS phối hợp với ban điều hành rà soát cân đối năng lực vận tải, công nợ phải thu.
 - Tham gia các cuộc kiểm tra đột xuất, kiểm kê quý, năm tại các cửa hàng xăng dầu và kiểm tra định kỳ công tác hoạt động kinh doanh tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe PTS, công tác PCCC, ATVSLĐ&BVMT, đo lường chất lượng, công tác bán hàng tại các CHXD và phương tiện vận tải, xưởng cơ khí sửa chữa, trung tâm gas và trung tâm cột bơm.
 - Đối với cổ đông: trong năm BKS không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Nhìn chung trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

Giao dịch và thù lao của HĐQT và BGD

- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc năm 2018
- + Thu nhập của Hội đồng quản trị: 539.659.546 đồng
- + Thu nhập của Ban giám đốc: 1.321.301.000 đồng
- Giao dịch cổ phiếu của NNB và người có liên quan của NNB: Không có
- Giao dịch của Công ty với các bên liên quan:

STT	Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.058.599.155.837
2	Công ty Xăng dầu Khu vực III	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.495.495.085
3	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng – CN Hà Tĩnh	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.779.449.882
4	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – Công ty Cổ phần	Mua hàng hóa, dịch vụ	6.019.266.904
5	Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.977.900.000





06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững
Các chỉ tiêu phát triển bền vững năm 2018

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Nhân sự

- Tập trung tuyển dụng nhân sự chất lượng, giàu tiềm năng
- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường
- Xây dựng các chương trình đào tạo người lao động
- Chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động và tạo dựng văn hóa doanh nghiệp.

Cộng đồng

Thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cho những hoàn cảnh khó khăn

Môi trường

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường
- Cam kết cung cấp các sản phẩm thân thiện môi trường trong lĩnh vực xăng dầu
- Sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tiết kiệm năng lượng
- Không xảy ra sự cố môi trường, mất an toàn nào trong các hoạt động của Công ty
- Đào tạo kiến thức bảo vệ môi trường đặc thù cho cán bộ nhân viên của Công ty.

Các chỉ tiêu phát triển bền vững năm 2018

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Nhận thức nguy cơ tiềm ẩn về cháy nổ và ô nhiễm môi trường của việc kinh doanh xăng dầu, PTS Nghệ Tĩnh luôn xác định phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong chiến lược phát triển của Công ty, sự phát triển kinh tế phải đi kèm với công tác bảo vệ môi trường. Do đó, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tuyên truyền, đào tạo cho cán bộ nhân viên về việc bảo vệ môi trường.

Người lao động

- Cơ cấu lao động:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học	121	30
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	146	36
3	Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	141	34
4	Lao động phổ thông	0	0
Tổng số		408	100

- Đào tạo người lao động:

Tất cả những ứng viên khi được lựa chọn là thành viên của Công ty sẽ được hưởng những cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty sẽ tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận và dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.

- Chính sách phúc lợi:

Chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty, đáp ứng nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng qui định của Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành.

Trách nhiệm đối với cộng đồng và địa phương

Công ty tham gia tổ chức các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn.





07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Công Thành	Chủ tịch (từ ngày 01/3/2018)
Ông Phạm Đức Thắng	Chủ tịch (trước ngày 01/3/2018)
Ông Hoàng Công Thành	Thành viên (trước ngày 01/3/2018)
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (trước ngày 01/3/2018)
Ông Mạnh Xuân Hùng	Thành viên
Ông Đào Ngọc Tiến	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuyền	Thành viên (từ ngày 11/4/2018)
Ông Võ Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 11/4/2018)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Công Thành	Giám đốc
Ông Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Hùng	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Hoàng Công Thành

Giám đốc

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Số: /2019/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/02/2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vũ Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2018-055-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Hoài Thu

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2461-2018-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.601.557.952	53.275.829.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.021.110.311	1.356.813.014
1. Tiền	111	5	5.021.110.311	1.356.813.014
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.238.684.923	36.807.790.567
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.418.288.584	35.763.399.334
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.262.495	126.701.899
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.892.095.832	2.252.153.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.285.961.988)	(1.334.463.978)
III. Hàng tồn kho	140		11.105.733.605	11.396.937.696
1. Hàng tồn kho	141	9	11.105.733.605	11.396.937.696
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.236.029.113	3.714.288.465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	6.458.941.694	3.473.118.173
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.713.101.046	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15.1	63.986.373	241.170.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.523.702.576	135.303.337.694
I. Tài sản cố định	220		162.592.888.752	121.734.758.028
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	160.616.429.308	121.218.436.900
- Nguyên giá	222		279.438.456.040	217.385.841.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.822.026.732)	(96.167.404.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.976.459.444	516.321.128
- Nguyên giá	228		3.068.235.000	1.690.235.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.091.775.556)	(1.173.913.872)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.636.866.347	2.193.154.769
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	7.636.866.347	2.193.154.769
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.293.947.477	11.375.424.897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	11.293.947.477	11.375.424.897
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		247.125.260.528	188.579.167.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		191.702.406.284	139.241.729.370
I. Nợ ngắn hạn	310		164.884.119.034	109.175.970.370
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	22.454.618.486	10.903.800.204
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.752.829.772	1.050.263.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.2	653.035.554	315.407.898
4. Phải trả người lao động	314		7.001.814.128	7.853.283.346
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	188.218.549	210.199.923
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.691.349.497	2.029.244.165
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	129.517.728.000	85.325.830.068
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.624.525.048	1.487.940.887
II. Nợ dài hạn	330		26.818.287.250	30.065.759.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	26.818.287.250	30.065.759.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.422.854.244	49.337.438.066
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	55.422.854.244	49.337.438.066
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	38.984.570.000	34.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.984.570.000	34.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	326.109.150	326.109.150
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	9.705.144.755	8.955.705.047
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	6.407.030.339	5.555.623.869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		430.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.406.600.339	5.555.623.869
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		247.125.260.528	188.579.167.436

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2019
Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiến

Hoàng Công Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2018

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.252.559.606.666	1.019.702.964.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	1.252.559.606.666	1.019.702.964.331
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1.154.841.397.678	925.167.417.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		97.718.208.988	94.535.546.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	291.890.990	149.950.958
7. Chi phí tài chính	22	25	11.482.449.832	10.071.731.207
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.420.128.646	9.974.490.691
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	52.837.587.809	52.214.089.972
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	25.468.278.929	25.216.690.869
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		8.221.783.408	7.182.985.708
11. Thu nhập khác	31	27	348.886.952	112.868.776
12. Chi phí khác	32	28	246.996.046	183.400.809
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		101.890.906	(70.532.033)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.323.674.314	7.112.453.675
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.917.073.975	1.556.829.806
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.406.600.339	5.555.623.869
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.789	1.602

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiến

Hoàng Công Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.323.674.314	7.112.453.675
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11, 13	26.112.973.576	21.585.438.452
- Các khoản dự phòng	03	8	(48.501.990)	320.671.085
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.854.464	53.937.175
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24, 27	(197.052.320)	(3.119.732)
- Chi phí lãi vay	06	25	11.420.128.646	9.974.490.691
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.642.076.690	39.043.871.346
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.949.163.957)	(12.091.538.890)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		291.204.091	5.791.523.977
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.219.295.476	11.095.511.884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.924.473.374)	(4.315.008.446)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.442.110.020)	(9.764.290.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(1.734.721.506)	(1.981.770.286)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(184.600.000)	(204.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.917.507.400	27.573.448.817
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(73.780.057.345)	(29.487.137.403)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	27	568.181.818	1.112.085.703
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	14.239.242	149.950.958
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73.197.636.285)	(28.225.100.742)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	11.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		818.416.825.000	577.070.338.251
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(777.472.398.818)	(586.873.333.731)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.944.426.182	(602.995.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.664.297.297	(1.254.647.405)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.356.813.014	2.612.068.802
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(608.383)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	5.021.110.311	1.356.813.014

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2018.

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2019
Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiên

Hoàng Công Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, trụ sở đặt tại xóm 13, xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 1364/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Cơ khí - một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2900428497 ngày 06/12/2000. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai mươi hai ngày 09/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ là 38.984.570.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Mua, bán vật tư thiết bị chuyên dùng ngành xăng dầu, mua bán thiết bị trường học;
- Mua, bán sách, văn phòng phẩm;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre và nứa) và động vật sống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ đào tạo nghề, dịch vụ đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng; sát hạch lái xe mô tô, ô tô các hạng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô tập lái;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sửa chữa cơ khí;
- Dịch vụ kỹ thuật, đại tu, sửa chữa, cải tạo phương tiện xe máy;
- Dịch vụ điện thoại;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;
- Lấy mẫu, quan trắc và giám sát môi trường (doanh nghiệp chỉ được hoạt động quan trắc môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm lý hóa, vi sinh;
- Tư vấn lập đề án khai thác nước ngầm, nước mặt và xả thải vào nguồn nước, các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Dịch vụ xử lý nước và môi trường, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư;
- Điều hành tour du lịch (doanh nghiệp chỉ được hoạt động quan trắc môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động cho thuê lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Trồng rừng và chăm sóc trồng rừng;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp: không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
A Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty)		
1 Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thanh Hóa	Số 184 Đường Đinh Hương, Phường Đông Cương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Vận tải và kinh doanh xăng dầu
2 Chi nhánh Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tĩnh	Tổ dân phố 1, Phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	Vận tải và kinh doanh xăng dầu
B Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)		
1 Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS	Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đào tạo và sát hạch lái xe

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp: các thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 21/3/2017 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí nội bộ.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ như sau: tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ và thu hồi nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính: tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh). Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các khoản ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh tại thời điểm 31/12/2018 là 23.155 VND/USD (tại thời điểm 31/12/2017 là 22.665 VND/USD).

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu người lao động tiền ăn trưa, đoàn phí, tiền đền bù hàng thiếu,...; các khoản tạm ứng; ký cược, ký quỹ; các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (di động).

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 09
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài là tiền chi ra để mua 166 m2 đất tại Khối 2, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh cộng lệ phí trước bạ.
- Phần mềm quản lý và phần mềm chấm điểm sát hạch lái xe là các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng, là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Ngoại trừ quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao, tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Phần mềm quản lý	đã khấu hao hết
Phần mềm chấm điểm	08

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: chi phí sắm, lắp, bình điện xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí thuê mặt bằng, cửa hàng, chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí đồng phục, bảo hộ lao động và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí sắm, lắp, bình điện xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo quãng đường xe chạy.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 02 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm của hợp đồng.
- Chi phí thuê mặt bằng, cửa hàng, chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng là số tiền thuê đã trả trước và chi phí đã bỏ ra để san lấp, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng cửa hàng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê..
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 03 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước khác bao gồm phí bảo trì đường bộ, chi phí đào tạo chứng chỉ... được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 03 tháng đến 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn; lệ phí thi; tiền khuyến mại phải trả cho khách hàng; tiền bảo hiểm thu hộ phải trả Công ty Bảo hiểm PJICO Nghệ An và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung.

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 13% (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 13 cổ phần phát hành thêm) và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 108/PTSNT-NQ-ĐHCD ngày 11/4/2018.

4.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Doanh thu đào tạo

Doanh thu đối với hoạt động đào tạo được xác định dựa trên số lượng học viên và học phí của mỗi học viên. Doanh thu hoạt động đào tạo được ghi nhận tại thời điểm học viên đăng ký lớp học và ứng trước một phần tiền học phí.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán hàng trả chậm, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.
- Lãi bán hàng trả chậm được ghi nhận theo số tiền chậm trả và lãi suất trả chậm được quy định trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán và cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá, cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao, cước vận chuyển hàng và các chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.19 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, hoạt động đào tạo lái xe của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS thuộc lĩnh vực xã hội hóa, theo đó, hoạt động này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (PTC) góp 51% vốn điều lệ và có khả năng kiểm soát đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, PTC được coi là bên liên quan (công ty mẹ) của Công ty. Các công ty con khác của PTC cũng được coi là bên liên quan của Công ty.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ của PTC, theo đó, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam được coi là bên liên quan của Công ty. Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cũng được coi là bên liên quan của Công ty.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, 16, 20, 22, 35.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

5. TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.844.756.655	323.493.491
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.262.707.656	742.133.984
Tiền đang chuyển (*)	913.646.000	291.185.539
Cộng	5.021.110.311	1.356.813.014

(*) Phản ánh lượng tiền tồn quỹ tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc, số tiền này sẽ được chuyển về tài khoản ngân hàng của Công ty vào ngày làm việc tiếp theo.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	39.418.288.584	35.763.399.334
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	16.905.098.030	13.452.653.908
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>16.905.098.030</i>	<i>13.452.653.908</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	22.513.190.554	22.310.745.426
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	19.595.596.266	14.538.487.350
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>16.905.098.030</i>	<i>13.452.653.908</i>
<i>Công ty Xăng dầu Thanh Hóa</i>	<i>301.901.743</i>	<i>145.117.480</i>
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>	<i>112.542.736</i>	<i>91.842.856</i>
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>26.043.922</i>
<i>Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex</i>	<i>2.276.053.757</i>	<i>822.829.184</i>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	2.892.095.832	-	2.252.153.312	-
Phải thu người lao động	197.210.545	-	378.480.519	-
Tạm ứng	864.574.110	-	694.236.649	-
Phải thu khác	3.000.000	-	3.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.827.311.177	-	1.176.436.144	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ngắn hạn		
Số dư đầu năm	(1.334.463.978)	(1.013.792.893)
Trích lập dự phòng	(187.699.000)	(320.671.085)
Hoàn nhập dự phòng	236.200.990	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối năm	(1.285.961.988)	(1.334.463.978)
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(1.219.993.357)	(1.268.495.347)
- Phải thu khác	(65.968.631)	(65.968.631)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	166.120.469	-	65.238.570	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	63.640.500	-
Hàng hóa	10.939.613.136	-	11.268.058.626	-
Cộng	11.105.733.605	-	11.396.937.696	-

10. NỢ XẤU

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.665.803.957	379.841.969	1.929.634.077	595.170.099
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Tân Phương Thảo	582.957.762	291.478.881	582.957.762	291.478.881
<i>Thời gian quá hạn: trên 01 năm đến 02 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>582.957.762</i>	<i>291.478.881</i>	<i>582.957.762</i>	<i>291.478.881</i>
Công ty CP Xây lắp thương mại tổng hợp Hồng Hoan	247.375.000	-	247.375.000	-
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>247.375.000</i>	<i>-</i>	<i>247.375.000</i>	<i>-</i>
Các đối tượng khác	835.471.195	88.363.088	1.099.301.315	303.691.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Phần mềm chăm sóc	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2018	871.015.000	819.220.000	-	1.690.235.000
Tăng trong năm	-	-	1.378.000.000	1.378.000.000
Kết chuyển từ XDCB dở dang	-	-	270.000.000	270.000.000
Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	-	-	1.108.000.000	1.108.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại 31/12/2018	871.015.000	819.220.000	1.378.000.000	3.068.235.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2018	413.590.789	760.323.083	1.173.913.872	1.173.913.872
Tăng trong năm	-	58.896.917	272.555.556	331.452.473
Khấu hao trong năm	-	58.896.917	28.125.000	87.021.917
Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	-	-	244.430.556	244.430.556
Giảm trong năm	413.590.789	-	-	413.590.789
Giảm khác (*)	413.590.789	-	-	413.590.789
Tại 31/12/2018	-	819.220.000	272.555.556	1.091.775.556
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2018	457.424.211	58.896.917	-	516.321.128
Tại 31/12/2018	871.015.000	-	1.105.444.444	1.976.459.444

(*) Là điều chỉnh giảm chi phí khấu hao đã trích đối với quyền sử dụng đất lâu dài của 166 m² đất tại Khô 2, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 819.220.000 VND (tại ngày 31/12/2017 là 218.760.000 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
12.1 Ngắn hạn	6.458.941.694	3.473.118.173
Chi phí sấm, lớp, bình điện	1.980.907.525	483.492.941
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	800.706.832	1.954.931.617
Chi phí bảo hiểm tài sản	435.605.621	-
Chi phí thuê mặt bằng	200.000.000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	753.010.591	251.121.422
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	1.455.764.189	101.520.000
Chi phí trả trước khác	832.946.936	682.052.193
12.2 Dài hạn	11.293.947.477	11.375.424.897
Chi phí thuê cửa hàng	3.543.013.959	3.864.505.087
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng	4.440.857.523	5.901.296.351
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	603.807.124	648.938.227
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.998.074.519	216.768.946
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	-	385.091.083
Chi phí trả trước khác	708.194.352	358.825.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị tính: VND				
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2018	86.026.294.656	11.047.782.054	115.639.272.349	4.672.492.538	217.385.841.597
Tăng trong năm	25.023.513.404	3.433.182.871	38.629.776.765	-	67.086.473.040
Mua sắm	20.699.970.666	3.265.432.871	38.629.776.765	-	62.595.180.302
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.323.542.738	167.750.000	-	-	4.491.292.738
Giảm trong năm	202.977.199	1.311.469.782	3.519.411.616	-	5.033.858.597
Thanh lý, nhượng bán	202.977.199	203.469.782	3.519.411.616	-	3.925.858.597
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	1.108.000.000	-	-	1.108.000.000
Tại 31/12/2018	110.846.830.861	13.169.495.143	150.749.637.498	4.672.492.538	279.438.456.040
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2018	27.131.831.573	6.353.755.730	59.835.092.207	2.846.725.187	96.167.404.697
Tăng trong năm	5.734.321.371	1.103.153.387	19.025.080.236	576.987.454	26.439.542.448
Khấu hao trong năm	5.734.321.371	1.103.153.387	19.025.080.236	576.987.454	26.439.542.448
Giảm trong năm	183.910.784	447.900.338	3.153.109.291	-	3.784.920.413
Thanh lý, nhượng bán	183.910.784	203.469.782	3.153.109.291	-	3.540.489.857
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	244.430.556	-	-	244.430.556
Tại 31/12/2018	32.682.242.160	7.009.008.779	75.707.063.152	3.423.712.641	118.822.026.732
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	58.894.463.083	4.694.026.324	55.804.180.142	1.825.767.351	121.218.436.900
Tại 31/12/2018	78.164.588.701	6.160.486.364	75.042.574.346	1.248.779.897	160.616.429.308

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 51.052.547.627 VND (tại ngày 31/12/2017 là 56.775.915.928 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 18.892.916.161 VND (tại ngày 31/12/2017 là 15.366.947.921 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.193.154.769	1.212.347.500
Tăng trong năm	10.547.167.625	11.537.598.493
Mua sắm tài sản cố định	-	11.537.598.493
Xây dựng cơ bản	10.205.004.316	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	342.163.309	-
Giảm trong năm	5.103.456.047	10.556.791.224
Kết chuyển sang tài sản cố định	4.761.292.738	4.915.969.228
Kết chuyển sang chi phí trả trước	342.163.309	5.640.821.996
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	7.636.866.347	2.193.154.769
(*) Chi tiết:		
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Sân tập phụ Hưng Đông	2.667.318.950	1.558.545.450
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Đại Nài	-	232.842.728
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Thạch Linh	-	269.788.182
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Hiến Sơn	716.352.300	76.143.000
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Hưng Đông	2.309.062.417	25.984.500
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Kỳ Châu	-	29.850.909
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Nghi Hoa	80.627.273	-
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Thạch Quý	985.533.771	-
Xây dựng cửa hàng xăng dầu Thạch Sơn	877.971.636	-
Cộng	7.636.866.347	2.193.154.769

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	(241.170.292)	2.193.031.639	1.787.896.547	163.964.800
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.547.420	1.917.073.975	1.734.721.506	262.899.889
Thuế thu nhập cá nhân	22.730.655	114.506.775	201.223.803	(63.986.373)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	212.129.823	623.849.167	609.808.125	226.170.865
Các loại thuế khác	-	202.533.011	202.533.011	-
Cộng	74.237.606	5.050.994.567	4.536.182.992	589.049.181
<i>Trong đó:</i>				
15.1 Phải thu	241.170.292			63.986.373
15.2 Phải nộp	315.407.898			653.035.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	22.454.618.486	10.903.800.204
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	19.832.918.613	5.864.025.192
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>9.686.700.790</i>	<i>2.247.327.704</i>
<i>Công ty TNHH May - Thương mại Bắc Nam</i>	<i>1.468.120.027</i>	<i>1.688.376.332</i>
<i>Công ty TNHH Đầu tư phát triển xây dựng và thương mại Hưng Phát</i>	<i>6.062.241.059</i>	<i>1.636.596.540</i>
<i>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>2.615.856.737</i>	<i>291.724.616</i>
Các đối tượng khác	2.621.699.873	5.039.775.012
Phải trả người bán là các bên liên quan	13.014.578.719	3.126.421.651
<i>Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>9.686.700.790</i>	<i>2.247.327.704</i>
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh</i>	<i>456.629.892</i>	<i>422.779.276</i>
<i>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>	<i>2.615.856.737</i>	<i>291.724.616</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị xăng dầu Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>30.000</i>
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực III - TNHH MTV</i>	<i>255.391.300</i>	<i>164.560.055</i>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	188.218.549	210.199.923
Lãi vay phải trả	188.218.549	210.199.923

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
18.1 Ngắn hạn	129.517.728.000	85.325.830.068
Các khoản vay	129.517.728.000	85.325.830.068
18.2 Dài hạn	26.818.287.250	30.065.759.000
Các khoản vay	26.818.287.250	30.065.759.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)*

Các khoản vay	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (*)	71.544.057.340	71.544.057.340	801.778.500.000	758.542.057.340	114.780.500.000	114.780.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	19.000.000.000	19.000.000.000	372.400.000.000	365.700.000.000	25.700.000.000	25.700.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	57.300.000.000	25.500.000.000	31.800.000.000	31.800.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	22.256.000.000	22.256.000.000	164.500.000.000	156.756.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	30.288.057.340	30.288.057.340	204.000.000.000	209.328.057.340	24.960.000.000	24.960.000.000
Cá nhân	-	-	3.578.500.000	1.258.000.000	2.320.500.000	2.320.500.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.781.772.728	13.781.772.728	17.276.228.000	16.320.772.728	14.737.228.000	14.737.228.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	5.198.792.728	5.198.792.728	2.821.363.000	4.529.272.728	3.490.883.000	3.490.883.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	8.582.980.000	8.582.980.000	8.583.000.000	9.083.000.000	8.082.980.000	8.082.980.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	3.163.365.000	-	3.163.365.000	3.163.365.000
Cá nhân	-	-	2.708.500.000	2.708.500.000	-	-
Vay dài hạn	30.065.759.000	30.065.759.000	16.638.325.000	19.885.796.750	26.818.287.250	26.818.287.250
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (1)	4.229.859.000	4.229.859.000	-	2.821.379.000	1.408.496.000	1.408.496.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh (2)	15.127.396.000	15.127.396.000	-	8.582.980.000	6.544.396.000	6.544.396.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)			15.816.825.000	4.481.433.750	11.335.391.250	11.335.391.250
Cá nhân (4)	10.708.504.000	10.708.504.000	821.500.000	4.000.004.000	7.530.004.000	7.530.004.000

(*) Các khoản vay ngắn hạn được rút bằng VND, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng và cá nhân tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của Ngân hàng. Mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Chi tiết hợp đồng vay dài hạn còn số dư tại 31/12/2018:

(1) Gồm 02 hợp đồng:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 1602/HĐ DA - VIN/NHNT ngày 30/9/2015 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/1602/HĐDA-VIN/NHNT ngày 30/9/2015:

Số tiền vay	: 10.358.000.000 VND.
Mục đích vay	: Đầu tư mua 6 xe đầu kéo và 6 sơ mi rơ mooc gắn xitec phục vụ vận tải xăng dầu.
Lãi suất vay	: 12 tháng kể từ ngày giải ngân lãi suất là 7,5%/năm. Các năm tiếp theo áp dụng theo lãi suất của bên vay từng thời kỳ.
Thời hạn vay	: 60 tháng.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản khác chi tiết theo Phụ lục hợp đồng vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ 01 tháng 01 lần.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 4.148.000.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 2.739.520.000 VND.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 2006/HĐ DA - VIN/NHNT ngày 23/12/2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 2006/HĐDA - VIN/NHNT ngày 23/12/2014:

Số tiền vay	: 3.031.363.000 VND.
Mục đích vay	: Đầu tư mua 5 xe đầu kéo và 5 sơ mi rơ mooc gắn xitec phục vụ vận tải xăng dầu.
Lãi suất vay	: Lãi suất 8,5% trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng theo thông báo bên cho vay từng thời kỳ.
Thời hạn vay	: 60 tháng.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản khác chi tiết theo Phụ lục hợp đồng vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ 30 ngày 01 lần.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 751.363.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 751.363.000 VND.

(2) Gồm 04 hợp đồng:

2.1 Hợp đồng tín dụng số 0094.HĐTD2 - 404.15 ngày 19/10/2015:

Số tiền vay	: 22.925.000.000 VND.
Mục đích vay	: Tái tài trợ mua 6 xe Hino chở xăng dầu, 4 xe Hyundai chở xăng dầu, 01 cửa hàng xăng dầu và 01 xe Mazda CX9.
Lãi suất vay	: Lãi suất tại thời điểm giải ngân áp dụng là 7,5%/năm trong 6 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ 12 tháng của VIB áp dụng cho khách hàng cá nhân công bố tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cố định 3%/năm và tuân thủ quy định của VIB/Ngân hàng nhà nước/Pháp luật về lãi suất cho vay.
Thời hạn vay	: 60 tháng từ ngày 21/10/2015 đến 21/10/2020.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản khác theo hợp đồng vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ ngày 23 hàng tháng.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 9.170.012.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 4.584.996.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

2.2 Hợp đồng tín dụng số 0061.HĐTD2 - 404.14/VIB ngày 23/12/2014:

Số tiền vay	: 12.589.000.000 VND.
Mục đích vay	: Thanh toán một phần tiền mua xe đầu kéo và rơ moóc phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
Lãi suất vay	: Lãi suất tại thời điểm giải ngân áp dụng là 8,5%/năm trong 6 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ 12 tháng của VIB áp dụng cho khách hàng cá nhân công bố tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cố định 3%/năm và tuân thủ quy định của VIB/Ngân hàng nhà nước/Pháp luật về lãi suất cho vay.
Thời hạn vay	: 60 tháng từ ngày 23/12/2014 đến 23/12/2019.
Tài sản đảm bảo	: Các tài sản hình thành từ vốn vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ ngày 23 hàng tháng.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 2.017.784.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 2.017.784.000 VND.

2.3 Hợp đồng tín dụng số 0059.HĐTD2 - 404.15 ngày 29/6/2015:

Số tiền vay	: 3.542.000.000 VND.
Mục đích vay	: Tái tài trợ đầu tư 04 xe đầu kéo Hyundai và 04 sơ mi rơ moóc phục vụ vận tải xăng dầu.
Lãi suất vay	: Lãi suất tại thời điểm giải ngân áp dụng là 7,5%/năm trong 6 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ 12 tháng của VIB áp dụng cho khách hàng cá nhân công bố tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cố định 3%/năm và tuân thủ quy định của VIB/Ngân hàng nhà nước/Pháp luật về lãi suất cho vay.
Thời hạn vay	: 60 tháng từ ngày 31/7/2015 đến 31/7/2020.
Tài sản đảm bảo	: Các tài sản hình thành từ vốn vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ ngày 23 hàng tháng.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 1.123.000.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 708.000.000 VND.

2.4 Hợp đồng tín dụng số 0109.HĐTD2 - 404.16 ngày 30/12/2016:

Số tiền vay	: 3.861.000.000 VND.
Mục đích vay	: Tài trợ bù đắp dự án đầu tư 03 sơ mi rơ moóc nhập khẩu nguyên chiếc từ Trung Quốc.
Lãi suất vay	: Lãi suất tại thời điểm giải ngân áp dụng là 7,5%/năm trong 6 tháng đầu. Từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất vay thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm VND trả sau kỳ 12 tháng của VIB áp dụng cho khách hàng cá nhân công bố tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cố định 3%/năm và tuân thủ quy định của VIB/Ngân hàng nhà nước/Pháp luật về lãi suất cho vay.
Thời hạn vay	: 60 tháng từ ngày 30/12/2016 đến 30/12/2021.
Tài sản đảm bảo	: Các tài sản hình thành từ vốn vay.
Thời hạn trả lãi vay	: Thanh toán lãi định kỳ ngày 23 hàng tháng.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 2.316.600.000 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 772.200.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

(3) Hợp đồng tín dụng số 106.0908/2018/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 19/7/2018:

Số tiền vay	: 15.816.825.000 VND.
Mục đích vay	: Thanh toán tiền mua 18 xe ô tô xitec cho Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô số 05/PTC-PTSNT ngày 31/5/2018.
Lãi suất vay	: Bằng lãi suất của Hợp đồng tiền gửi số 20: 07/05/2018/HĐTGCK-PGBHN trị giá 44.400.000.000 VND, kỳ hạn 1 năm của Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex tại PGBank cộng biên độ 1,2%/năm.
Thời hạn vay	: 60 tháng.
Tài sản đảm bảo	: 18 xe ô tô xitec hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng chuyển nhượng xe ô tô số 05/PTC-PTSNT ngày 31/5/2018, tổng giá trị hợp đồng là 19.331.675.000 VND. Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex tại PGBank trị giá 44.400.000.000 VND.
Thời hạn trả lãi vay	: Định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả hàng tháng là 263.613.750 VND.
Lãi suất quá hạn	: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
Số dư vay tại 31/12/2018	: 14.498.756.250 VND.
Số phải trả trong năm 2019	: 3.163.365.000 VND.

(4) Các khoản vay cá nhân là tiền của người lao động cho Công ty vay theo lãi suất được quy định tại từng hợp đồng vay.

b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Đơn vị tính: VND		
		Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Tại 31/12/2018				
Các khoản vay				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	4.899.363.000	3.490.883.000	1.408.480.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	14.627.396.000	8.082.980.000	6.544.416.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	14.498.756.250	3.163.365.000	11.335.391.250	-
Cá nhân	7.530.000.000	-	7.530.000.000	-
Cộng	41.555.515.250	14.737.228.000	26.818.287.250	-
Tại 01/01/2018				
Các khoản vay				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	9.428.651.728	5.198.792.728	4.229.859.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	23.710.376.000	8.582.980.000	15.127.396.000	-
Cá nhân	10.708.504.000	-	10.708.504.000	-
Cộng	43.847.531.728	13.781.772.728	30.065.759.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	1.691.349.497	2.029.244.165
Kinh phí công đoàn	137.317.047	141.528.171
Bảo hiểm xã hội	5.081.901	104.343.897
Lệ phí thi phải trả Sở Giao thông vận tải Tỉnh Nghệ An	792.635.206	690.180.206
Phải trả tiền khuyến mại cho khách hàng	194.687.166	451.560.275
Tiền đặt cọc mua xăng dầu của Công an Tỉnh Nghệ An	-	189.500.000
Tiền bảo hiểm thu hộ phải trả Công ty Bảo hiểm PJICO	128.615.000	112.375.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	433.013.177	339.756.616

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	23.000.000.000	326.109.150	7.526.638.182	4.763.556.218	35.616.303.550
Tăng trong năm trước	11.500.000.000	-	1.429.066.865	5.555.623.869	18.484.690.734
Tăng vốn	11.500.000.000	-	-	-	11.500.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	5.555.623.869	5.555.623.869
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.429.066.865	-	1.429.066.865
Giảm trong năm trước	-	-	-	4.763.556.218	4.763.556.218
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.763.556.218	4.763.556.218
Số đầu năm nay	34.500.000.000	326.109.150	8.955.705.047	5.555.623.869	49.337.438.066
Tăng trong năm nay	4.484.570.000	-	749.439.708	6.406.600.339	11.640.610.047
Tăng vốn	4.484.570.000	-	-	-	4.484.570.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.406.600.339	6.406.600.339
Phân phối lợi nhuận	-	-	749.439.708	-	749.439.708
Giảm trong năm nay	-	-	-	5.555.193.869	5.555.193.869
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.555.193.869	5.555.193.869
Số cuối năm nay	38.984.570.000	326.109.150	9.705.144.755	6.407.030.339	55.422.854.244

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	19.882.350.000	19.882.350.000	17.595.000.000	17.595.000.000
Ông Hoàng Công Thành	1.034.170.000	1.034.170.000	2.172.380.000	2.172.380.000
Ông Trương Hồng Toàn	388.040.000	388.040.000	343.400.000	343.400.000
Ông Mạnh Xuân Hùng	353.290.000	353.290.000	153.000.000	153.000.000
Các cổ đông khác	17.326.720.000	17.326.720.000	14.236.220.000	14.236.220.000
Cộng	38.984.570.000	38.984.570.000	34.500.000.000	34.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Số đầu năm	34.500.000.000	23.000.000.000
Tăng trong năm	4.484.570.000	11.500.000.000
Tăng bằng tiền	-	11.500.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.484.570.000	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	38.984.570.000	34.500.000.000

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 13% (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 13 cổ phần phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 108/PTSNT-NQ-ĐHCĐ ngày 11/4/2018. Số lượng cổ phiếu mỗi cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân, nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 4.484.570.000 VND. Ngày 09/01/2019, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 38.984.570.000 VND.

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Số đầu năm	5.555.623.869	4.763.556.218
Tăng trong năm	6.406.600.339	5.555.623.869
Lợi nhuận trong năm	6.406.600.339	5.555.623.869
Giảm trong năm	5.555.193.869	4.763.556.218
Phân phối lợi nhuận năm trước	5.555.193.869	4.763.556.218
Chia cổ tức bằng tiền	-	2.300.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.484.570.000	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	749.439.708	1.429.066.865
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	321.184.161	1.034.489.353
Số cuối năm	6.407.030.339	5.555.623.869

c. Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.898.457	3.450.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.898.457	3.450.000
Cổ phiếu phổ thông	3.898.457	3.450.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.898.457	3.450.000
Cổ phiếu phổ thông	3.898.457	3.450.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngoại tệ các loại	31/12/2018	01/01/2018
Đô la Mỹ (USD)	368,91	397,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

22. DOANH THU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.291.477.323.817	1.055.964.306.624
Doanh thu bán xăng dầu chính	1.100.770.333.845	886.669.970.117
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	6.573.006.204	7.269.174.329
Doanh thu bán gas và phụ kiện	16.782.214.000	14.042.816.154
Doanh thu bán vật tư, cột bơm	88.318.182	764.730.273
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	103.636.811.015	86.091.695.528
Doanh thu dịch vụ cơ khí, sửa chữa	1.354.082.146	3.574.383.931
Doanh thu Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe	23.354.841.274	21.290.193.999
Doanh thu nội bộ	38.917.717.151	36.261.342.293
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Loại trừ doanh thu nội bộ	38.917.717.151	36.261.342.293
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.252.559.606.666	1.019.702.964.331
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan	100.738.072.175	84.290.848.353
<i>Công ty Xăng dầu Thanh Hóa</i>	<i>15.221.048.466</i>	<i>1.488.002.312</i>
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>	<i>29.574.768.317</i>	<i>34.399.682.962</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh</i>	<i>15.416.961.493</i>	<i>14.444.866.455</i>
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>	<i>2.520.986.667</i>	<i>394.597.442</i>
<i>Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào</i>	<i>27.110.214.784</i>	<i>28.936.466.640</i>
<i>Cty CP Nhiên liệu bay Petrolimex</i>	<i>10.837.461.275</i>	<i>4.574.043.340</i>
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>	<i>56.631.173</i>	<i>53.189.202</i>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của xăng dầu chính đã bán	1.030.605.896.717	820.210.073.409
Giá vốn của dầu mỡ nhờn đã bán	5.464.581.776	6.182.162.590
Giá vốn của gas và phụ kiện đã bán	13.991.504.357	11.156.504.986
Giá vốn của vật tư, cột bơm đã bán	87.725.359	704.985.814
Giá vốn của dịch vụ vận tải đường bộ đã cung cấp	86.717.885.712	68.522.582.092
Giá vốn của dịch vụ cơ khí, sửa chữa đã cung cấp	1.293.095.234	3.527.275.457
Giá vốn của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe	16.680.708.523	14.863.833.185
Giá vốn nội bộ	38.917.717.151	36.261.342.293
Loại trừ giá vốn nội bộ	(38.917.717.151)	(36.261.342.293)
Cộng	1.154.841.397.678	925.167.417.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi	14.239.242	15.815.041
Lãi chênh lệch tỷ giá	153.117.922	38.424.169
Lãi bán hàng trả chậm	124.533.826	95.711.748
Cộng	291.890.990	149.950.958

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	11.420.128.646	9.974.490.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá	62.321.186	97.240.516
Cộng	11.482.449.832	10.071.731.207

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
26.1 Chi phí bán hàng	52.837.587.809	52.214.089.972
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	19.453.383.855	15.409.246.895
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>19.453.383.855</i>	<i>15.409.246.895</i>
Các khoản chi phí bán hàng khác	33.384.203.954	36.804.843.077
26.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.468.278.929	25.216.690.869
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	14.064.829.700	12.895.460.570
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>14.064.829.700</i>	<i>12.895.460.570</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.403.449.229	12.321.230.299

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	568.181.818	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	(385.368.740)	-
Các khoản khác	166.073.874	112.868.776
Cộng	348.886.952	112.868.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(1.112.085.703)
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	1.258.916.929
Các khoản bị phạt	246.974.046	36.567.351
Các khoản khác	22.000	2.232
Cộng	246.996.046	183.400.809

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.143.424.601	15.854.301.650
Chi phí nhân công	53.380.320.668	51.805.153.017
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.112.973.576	21.585.438.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.551.206.040	3.634.229.879
Chi phí bằng tiền khác	68.465.426.810	57.521.970.514
Cộng	165.653.351.695	150.401.093.512

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	8.323.674.314	7.112.453.675
Hoạt động đào tạo	1.083.055.199	1.265.442.958
Các hoạt động khác	7.240.619.115	5.847.010.717
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	1.410.943.633	1.316.263.910
Thu nhập của HĐQT không tham gia điều hành trực tiếp	128.672.000	168.832.000
Chi phí không được trừ của hoạt động kinh doanh khác	1.282.271.633	1.147.431.910
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	11.847.076
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước chuyển sang	-	11.847.076
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	9.734.617.947	8.416.870.509
Hoạt động đào tạo (4a)	1.083.055.199	1.265.442.958
Các hoạt động khác (4b)	8.651.562.748	7.151.427.551
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (5a)	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (5b)	20%	20%
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (7)	78.455.906	-
Chi phí thuế TNDN (6)=(4a)*(5a)+(4b)*(5b)+(7)	1.917.073.975	1.556.829.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	6.406.600.339	5.555.623.869
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	321.184.161
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	6.406.600.339	5.234.439.708
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	3.580.237	3.267.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	1.789	1.602

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2017 là điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 108/PTSNT-NQ-ĐHCD ngày 11/4/2018.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay và Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản phân loại vay và nợ dài hạn sang vay và nợ ngắn hạn, số tiền 17.276.228.000 VND.

Mã số 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác bao gồm khoản trả trước một lần tiền thuê đất không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình, số tiền 979.872.727 VND.

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2018 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	Giá trị ghi sổ 31/12/2018 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2018 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	5.021.110.311	1.356.813.014
Phải thu của khách hàng	38.198.295.227	34.494.903.987
Phải thu khác	1.827.311.177	1.176.436.144
Cộng	45.046.716.715	37.028.153.145
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	22.454.618.486	10.903.800.204
Chi phí phải trả	188.218.549	210.199.923
Phải trả khác	323.302.166	581.298.946
Vay và nợ thuê tài chính	156.336.015.250	115.391.589.068
Cộng	179.302.154.451	127.086.888.141

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số giao dịch bán hàng lớn bằng USD.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính	16.913.640.141	15.222.624.954
Tiền	8.542.111	9.013.871
Phải thu của khách hàng	16.905.098.030	15.213.611.083
Nợ tài chính	-	-
(Nợ)/Tài sản tài chính thuần	16.913.640.141	15.222.624.954
Cộng: cam kết mua ngoại tệ	-	-
Trừ: mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	16.913.640.141	15.222.624.954

- Rủi ro lãi suất

Lãi suất của các khoản vay thay đổi theo biến động lãi suất của ngân hàng tại từng thời kỳ. Do vậy, Công ty phải chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

• Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính quá hạn		
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-	433.844.597
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	759.683.939	582.957.802
Quá hạn từ 03 năm trở lên	906.120.018	912.831.678
Cộng	1.665.803.957	1.929.634.077

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

• **Rủi ro thanh khoản**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán tổng hợp đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Tại 31/12/2018		
Phải trả người bán	22.454.618.486	-
Chi phí phải trả	188.218.549	-
Phải trả khác	323.302.166	
Vay và nợ thuê tài chính	129.517.728.000	26.818.287.250
Cộng	152.483.867.201	26.818.287.250
Tại 01/01/2018		
Phải trả người bán	10.903.800.204	-
Chi phí phải trả	210.199.923	-
Phải trả khác	581.298.946	
Vay và nợ thuê tài chính	85.325.830.068	30.065.759.000
Cộng	97.021.129.141	30.065.759.000

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

35. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.083.871.267.708	863.239.588.923
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	367.941.059.202
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	-	243.905.392.530
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	1.058.599.155.837	227.012.174.825
Công ty Xăng dầu Khu vực III	2.495.495.085	838.629.598
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh	13.779.449.882	11.768.960.496
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần	6.019.266.904	5.357.893.782
Xí nghiệp Xăng dầu K131 - Công ty Xăng dầu B12	-	650.554.120
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	-	573.282.253
Công ty CP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	-	420.523.575
Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	2.977.900.000	143.886.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Giao dịch với bên liên quan	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	-	53.189.202
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	-	4.574.043.340
Cổ tức đã trả (*)	2.491.600.000	1.301.525.000
Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex	2.287.350.000	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	1.173.000.000
Ông Hoàng Công Thành	118.970.000	98.965.000
Ông Mạnh Xuân Hùng	40.640.000	10.200.000
Ông Trương Hồng Toàn	44.640.000	19.360.000

(*) Năm 2017 được thanh toán bằng tiền, năm 2018 được thanh toán bằng cổ phiếu.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	539.659.546	524.326.939
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.321.301.000	1.072.623.259
Số dư với bên liên quan	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	-	3.599.230
Phải thu khác (ký cược, ký quỹ vô bình gas)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng - CN Hà Tĩnh	1.375.061.177	1.176.436.144

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: bộ phận vận tải, bộ phận kinh doanh xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác và bộ phận hoạt động của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS.

Hoạt động chủ yếu của 03 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận vận tải: dịch vụ vận tải xăng dầu đường bộ.
- Bộ phận hoạt động kinh doanh xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác: phân phối các sản phẩm liên quan đến xăng dầu và dịch vụ cơ khí, sửa chữa.
- Bộ phận hoạt động của Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe PTS: đào tạo nghề, đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng; sát hạch lái xe mô tô, ô tô các hạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	90.281.832.040	113.882.352.329	28.446.934.628	232.611.118.997
Tài sản không phân bổ				14.514.141.531
Cộng				247.125.260.528
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	65.768.917.812	96.906.982.136	24.937.041.569	187.612.941.517
Nợ phải trả không phân bổ				4.089.464.767
Cộng				191.702.406.284

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Cộng
Doanh thu thuần	103.636.811.015	1.125.567.954.377	23.354.841.274	1.252.559.606.666
Giá vốn hàng bán	86.717.885.712	1.051.442.803.443	16.680.708.523	1.154.841.397.678
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	10.580.152.552	63.608.135.875	4.117.578.311	78.305.866.738
Doanh thu hoạt động tài chính	153.117.922	137.944.521	828.547	291.890.990
Chi phí tài chính	3.889.762.741	6.379.855.838	1.212.831.253	11.482.449.832
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.602.127.932	4.275.103.742	1.344.551.734	8.221.783.408
Lãi (lỗ) khác	-	106.663.014	(4.772.108)	101.890.906
Lợi nhuận trước thuế	2.602.127.932	4.381.766.756	1.339.779.626	8.323.674.314
Chi phí thuế TNDN				1.917.073.975
Lợi nhuận sau thuế				6.406.600.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Năm 2017

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Cộng
Tài sản				
Tài sản bộ phận	66.032.155.421	75.047.214.083	28.980.048.237	170.059.417.741
Tài sản không phân bổ				18.519.749.695
Cộng				188.579.167.436
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	47.734.476.312	57.835.605.039	23.493.395.840	129.063.477.191
Nợ phải trả không phân bổ				10.178.252.179
Cộng				139.241.729.370

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng, dầu, các sản phẩm hóa dầu, dịch vụ khác	Trung tâm đào tạo	Cộng
Doanh thu thuần	86.091.695.528	912.321.074.804	21.290.193.999	1.019.702.964.331
Giá vốn hàng bán	68.522.582.092	841.781.002.256	14.863.833.185	925.167.417.533
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	11.365.107.479	62.345.126.246	3.720.547.116	77.430.780.841
Doanh thu hoạt động tài chính	-	148.812.323	1.138.635	149.950.958
Chi phí tài chính	4.132.021.812	4.742.492.473	1.197.216.922	10.071.731.207
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.071.984.145	3.601.266.152	1.509.735.411	7.182.985.708
Lãi (lỗ) khác	(70.532.033)	-	-	(70.532.033)
Lợi nhuận trước thuế	2.001.452.112	3.601.266.152	1.509.735.411	7.112.453.675
Chi phí thuế TNDN	414.396.829	967.030.191	175.402.786	1.556.829.806
Lợi nhuận sau thuế	1.587.055.283	2.634.235.961	1.334.332.625	5.555.623.869

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nghệ An, ngày 25 tháng 02 năm 2019
Giám đốc

Trần Thị Hồi

Đào Ngọc Tiến

Hoàng Công Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Người đại diện Pháp luật

Hoàng Công Thành